TRUNG-BẮC

NGUYỄN DOÃN-VƯỢNG CHỦ-TRƯƠNG

Số 254 — Ngày 22 Juillet 1945 — Giá : 1$50

E 240

MỤC-LỤC

- *Những truyện hy-sinh ghê-gớm trong lịch-sử Á-đông* .. .. Sở-Bảo
- *Nước Pháp chết dở còn mong chiếm đất của ai ?* .. .. Lê Văn-Hòe
- *Bao giờ việc tiếp-tế gạo sẽ tổ-chức được hoàn-toàn ?* .. .. Bác-sỹ Luyện
- *Nguyễn Cao moi ruột, rạch bụng ở trước mặt thống-sứ Bihourd* .. .. Đào Trinh-Nhất
- *Nước ta cũng có Võ-sĩ đạo ?* .. .. Lê Kim-Kiện
- *Nã-phá-luân của sa-mạc : Ibn Séoud* .. .. Hồng-Lam
- *Xé dải yếm và yếm nuốt dần vào họng, cô Đỗ thị-Tâm, nữ đảng-viên V.N.Q.D.Đ. chết một cách oanh-liệt* .. .. Mai-Thủy
- *Bùi thị-Xuân (lịch-sử tiểu-thuyết)* .. .. .. Hồng-Phong

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

XÉ DẢI YẾM VÀ YẾM NUỐT DẪN VÀO HỌNG

NHỮNG CÁI CHẾT THẾ THẢM VÀ OANH-LIỆT CỦA MỘT VÀI NHÀ NỮ CÁCH-MỆNH VIỆT-NAM TRONG NGỤC TỐI

CÔ ĐỖ THỊ-TÂM CHẾT MỘT CÁCH OANH LIỆT

nhất định không chịu cung-khai một lời gì cho bọn Pháp thực dân

của MAI-THỦY

Trong đám phụ-nữ Việt-nam, những tấm lòng hi-sinh vì tổ-quốc và can đảm khác người không phải ít. Đời thời Pháp thuộc, chị em bạn gái nước ta đã theo chân nối gót bạn mày râu để dự một phần mật thiết vào công cuộc vận-động độc-lập và đánh đuổi quân thù ra khỏi nước.

Chuyện cô Giang, vị-hôn-thê của Nguyễn thái-Học mà chúng tôi đăng kỳ trước là một chứng cớ hiển nhiên tỏ rõ ra rằng trong đám phụ nữ Việt-nam đời nay cũng có những vị cân quắc anh hùng. Tuy sự nghiệp của các bậc nữ trung nào kiệt tỏ không thể so sánh với các bậc tiền bối như các bà Trưng, Triệu, nhưng tấm lòng yêu nước và hi-sinh về việc nước thật đáng cho chúng ta kính phục và cũng là đáng làm gương cho các bạn gái ngày nay vậy.

Việt-nam quốc-dân đảng trong khi cải-tổ lại để dự-bị vụ khởi nghĩa Yên-bay, Phú-thọ, Lâm-thao, có thu nạp một số ít nữ đảng-viên để dùng vào ban tuyên-truyền và thông-tin.

Ngoài hai cô Nguyễn-thị-Giang và Nguyễn-thị-Bắc mà chúng tôi nói đến trong kỳ trước, đảng còn có một vài nữ đảng viên rất trung-thành can đảm đã lập được nhiều công trạng.

Kỳ này, xin nói đến Đỗ-thị-Chuyên tức thị Tâm.

Một cựu gia tư-đệ

Cô Đỗ-thị-Chuyên tức Tâm quán ở làng Thịnh-hào nay thuộc Đại-lý đặc biệt Hà-nội cách thành phố Hà-nội chỉ độ một cây số (sau đường hàng Bột). Cô sinh-trưởng trong một gia-đình nho học, nguyên xưa vẫn có người thi đỗ làm quan. Tổ phụ cô làm tri-phủ nhưng mất sớm.

Ông thân sinh ra cô là Đỗ-văn-Viêm, một nhà nho lỗi thời lại gặp cảnh nhà nghèo, vận túng. Bà thân-mẫu cô quán làng Định-công khi còn con gái, ở phố hàng Bồ, làm nghề thợ bạc.

Ông Viêm sống vào thời kỳ phong trào văn thân và cách mệnh còn bồng bột trong nước ta. Ở Hà-nội thì trường « Đông-kinh Nghĩa-thục » mới mở ra để giáo-dục và đào tạo các thanh-niên ta theo lối học mới.

Thanh-niên trong nước theo chân các nhà cách-mệnh tiền tiến như Phan-bội-Châu, Tăng-bạt-Hổ, Đặng-đức-Thân, Nguyễn-bá-Thuận tức Hải-thần tự Cầm-giang (Tú Đại-Từ) xuất dương du học mỗi ngày một nhiều.

Ông Viêm cũng là một thanh-niên trong bọn học-sinh trốn sang Tàu du học. Sau khi sang đấy, ông gia nhập đảng cách mệnh của người mình lập ở bên đó và thường được phái đi về trong nước lẻ đưa tin tức và dắt dẫn các thanh-niên khác vào đường cách-mệnh. Hoạt-động được ít lâu thì ông Viêm bị bắt ở Lạng sơn cùng với người em rể là Cả Kiên quán làng Mọc Hà-đình. Không rõ hai ông Viêm và Kiên đã phạm trong tội gì mà đều bị xử trảm ở Lạng-sơn sau một cuộc tra xét qua loa.

Ông Viêm sinh hạ được bốn con: hai giai, hai gái. Cô Chuyên là thứ ba. Cô còn một người anh là Xương, một người chị là Thành và một người em gái là Bằng. Ngay lúc mới lọt lòng ra, trong huyết quản của nữ đảng-viên V. N. Q. D. Đ. sau này đã có máu cách mệnh.

Vì ông thân cô chết về việc nước nên cô và các anh em đều được coi là cựu gia tư-đệ. Mẹ cô làm nghề thợ bạc để nuôi con nhưng sau khi chồng chết ít lâu, bà sinh ra buồn rầu cũng từ trần để lại một lũ con bỏ côi còn nhỏ. Anh em nhà này vì nghèo thiếu học hành nên đều phải theo nghề thợ bạc của mẹ để lại.

Ngay cô Chuyên cũng là người theo nghề đó, cô lại có hoa tay nên làm rất khéo. Nhờ có nghề đó mà cô giúp được nhà khá nhiều về tài chính sau khi cha cô xuất gia.

Theo lời người nhà cô thuật lại thì năm mười bảy, mười tám cô Chuyên đã lấy chồng học trò nhà ở phố hàng Long nhưng vì nhà chồng đối với cô quá khắt khe nên vợ chồng cô đành phải ly dị và cô lại về nhà ở bên-[illegible]

Thời kỳ vào đảng

Cô Chuyên tuy không có nhan sắc và học thức nhưng người cô trộng cũng xinh xắn và tính nết rất hiền lành ngoan ngoãn, có vẻ thông minh lạ khác. Cô chỉ biết đọc và biết viết qua chữ quốc ngữ. Sau khi cô gia nhập vào đảng giao cho việc tuyên truyền thuyền mang truyền đơn đi các nơi và rải truyền đơn ở Hà-nội. Cô làm công việc này rất nhanh nhẹn, cẩn đáo và giúp được cho đảng nhiều việc trong một thời kỳ khá lâu.

Tuy cô hoạt động như vậy và nhiều khi còn dự các buổi hội-đồng bí mật của đảng thế mà người nhà tuyệt nhiên không ai hay biết và vẫn tưởng cô chỉ cặm cụi ở nhà làm việc thủ công suốt ngày.

Một buổi sáng về mùa hè năm 1930, trong khi cô đang rải truyền đơn ở phía sau Giảm thì bị bọn thám tử bắt được. Khám trong mình cô, chúng bắt được một gói truyền đơn in bằng thạch. Lập tức, cô bị đưa về sở Mật-thám Hà-nội và bị tra hỏi rất nhiều lần. Tuy cô

bị hành hạ bằng đủ thứ cực hình dã man nhưng cô vẫn chỉ nhận trách nhiệm về các công việc mình làm mà bọn mật-thám đã biết, cô nhất định không chịu khai tên một đồng chí nào và một việc nào khác cả.

Sau mấy ngày giam ở Mật-thám, cô bị giải sang giam ở nhà pha Hỏa-lò Hà-nội nhưng vẫn bị giam ở xà lim riêng, cả ngày và đêm bị xiềng xích như một trọng phạm.

Ở Hỏa-lò được mấy hôm thì bỗng có tin cô tự tử trong xà-lim.

Cô tự-tử bằng cách gì?

Theo lệ thường của sở Mật-thám, vào nhà pha Hỏa-lò, mỗi khi có người mới bị bắt đưa vào, nhất là người đó là chính-trị phạm thì bị khám xét rất cẩn thận. Quần áo và đồ dùng trong người như đồng hồ, tiền bạc, giầy mũ đều phải để lại đem ký vào kho, người bị giam chỉ được mặc một bộ quần áo che thân, đến cả giầy lưng cũng không được giữ. Có sự khám xét này là vì bọn coi nhà giam muốn đề phòng các vụ tự sát trong nhà pha. Cũng như các người bị bắt khác, cô Chuyên-viên Tâm chỉ được mặc quần áo lot nhưng cô còn được giữ cả chiếc yếm che ngực và đôi giải yếm (theo y phục của các bà các cô lối cổ thì giải yếm hoặc bằng lụa hay vải trắng khá dài để giữ chiếc yếm ở ngang lưng). Chính chiếc yếm và đôi giải đó là khí-cụ mà cô Tâm dùng để tự sát.

Bị giam trong xà-lim, chân bị xiềng tay bị xích thế mà cô đã xé nhỏ được giải yếm và yếm, nhét và nuốt dần vào họng, đến khi đã đầy họng thì cô bị ngạt thở, không khí ở ngoài không thể nào vào khí quản và phổi được nữa. Cô ngã ra đất, tinh thần sự và bị chết ngạt. Khi bọn coi nhà pha biết tin cô tự sát, thì cô đã tắt thở nhưng ngực còn thoi thóp và da còn hơi ấm. Chúng mới cho lôi yếm và giải yếm ở cuống họng ra, mong cứu chữa cô, nhưng theo ra với giải yếm là một mảnh học tò trong cuống họng ra. (Có người lại nói là cả một khúc ruột của kẻ bạc mệnh cũng theo yếm mà ra).

Sau khi lôi mảnh ra thì cô Tâm đã sang bên kia thế giới.

Cô đã vì việc nước, việc đảng, hi-sinh cả tấm thân liễu yếu đào tơ mới ngoài hai chục xuân xanh! Sở dĩ phải tự sát là cô không muốn cho bọn thực dân hành hạ cô để cô mới ra những sự bí mật của đảng, của đồng chí. Chết đi, cô đã mang theo xuống nơi kia thế giới tất cả những cái bí mật mà chúng muốn biết. Chắc trước khi cô chết cô đã mỉm cười sung sướng vì đã làm tròn phận sự đối với đảng và khi sa cờ vào tay kẻ thù thì không để cho chúng làm nhục tấm thân cũng không để chúng kẻ thù lấy sự dan díu mà vinh-ghép cô vào tội phản đảng như trường-hợp của một ít bạn đồng chí của cô. Thực là một cái chết thê thảm vừa can đảm và vừa oanh-liệt!

Gia-cảnh của cô Tâm hiện nay ra sao?

Ngay sau khi cô bị bắt quả tang đi phát truyền-đơn thì nhà cô bị khám. Tuy không bắt được gì thêm trong nhà, anh cô là Đỗ-văn-Xương (hồi đó đã ngoài ba mươi tuổi) cũng bị bắt giam đến sáu tháng mới được tha về vì tòa án xét ra vô can. Một người em thứ ba của cô Tâm là Đỗ-văn-Đạm cũng bị liên lụy và bị bắt giam ít lâu.

Duy chỉ có người em út cô là Đỗ-văn-Bằng vì còn nhỏ tuổi quá và lại ở nơi khác nên không bị sa lưới mật thám.

Nhà có mà hai cái cột trụ là cô và anh cô nên bị tan nát và từ đấy càng ngày càng nghèo thêm. Người em út cô là Bằng sau khi nghe tin chị chết, anh thì bị bắt sinh ra thất vọng bỏ nghề thợ bạc sau rồi cũng đi theo

(xem tiếp trang 25)

Kính cáo các Đại-lý miền Nam

Vì đường giao thông chưa được như xưa, xin các Đại-lý miền Nam gởi trả tiền báo hàng tháng cho Bản-chí bằng ngân-phiếu tốc hành (mandat-télégraphique) vì nếu gởi ngân-phiếu thường thì phải hai ba tháng mới tới nơi.

T.B.C.N.

BAO GIỜ VIỆC TIẾP-TẾ THÓC GẠO SẼ TỔ-CHỨC ĐƯỢC HOÀN-TOÀN?

của bác-sỹ LUYỆN

Trong một bài báo nhan đề là « Mấy đề-nghị giúp cho việc thực hành chánh sách mới về gạo » bạn Lê văn-Hoè có thuật lại ý-kiến của ông Khâm-sai, và nhân đó có ngỏ một vài ý-kiến riêng. Đồng ý ở nhiều đoạn, nhưng ở một vài đoạn khác thì lại không hiểu đồng-tình, bác-sỹ Nguyễn-văn-Luyện đã gửi cho chúng tôi bài sau đây. Muốn cho rộng đường thảo-luận, chúng tôi đăng nguyên văn bài đó.

T. B. C. N.

Trên tờ báo Tin-Mới, chúng tôi đã đăng mấy điều tóm tắt trích ở một dự án về việc tiếp-tế thóc gạo, mà tôi đã bàn cùng bạn hữu và đã đệ một bản lên nhà chuyên-trách. Đối với người ngoài, lời tóm tắt không đủ các chi-tiết nên không khỏi có chỗ hiểu lầm, vì vậy tôi đã nhận được nhiều thư, tán-thành hay phản-đối đều có, thậm chí có cả một bức thư nặc-danh dọa nạt. Dự-án ấy lại được đem-dự công khai bình-phẩm nữa. Chúng tôi phải mỉm cười về sự sôi nổi ấy, vì ý-kiến của một cá-nhân có can-hệ gì? Can-hệ là công-cuộc của chính-phủ đem thi-hành.

Mỗi ý-kiến là một trách-nhiệm, trong lúc nhân-thế khó khăn, ta chỉ nên mong có các nhà chính-khách can-đảm cương-quyết, chịu nhận hết trách-nhiệm của mình để theo đuổi triệt-để các điều dự-định có suy-nghĩ và chính đáng. Ai là người tranh dành trách-nhiệm trong lúc này?

Vậy chúng tôi thực-tâm không muốn gây ra một cuộc tranh-luận nếu không có ích-lợi và nếu không phải là một vấn-đề có can-hệ đến sự sống còn của dân.

Không có tại kinh-luân, chung tôi đối với một vấn-đề gì cũng phải ra công nghiên-cứu kỹ càng, và vì sở-học cùng thói quen, rất kỵ các điều viển vông, cũng như các nhà y-học khinh những món thuốc hoang đường để chữa bách bệnh.

Chúng tôi thiết tưởng một chương-trình khó thi-hành không phải là một chương-trình viển vông và không hợp với thực-tế. Trong một bài có nhiều ý-kiến hay, đăng ở tuần-báo Trung-bắc Chủ-nhật ngày 1-7-45, ông Lê-văn-Hòe có nhắc lại lời bình-phẩm về việc tôi đề-nghị phải « in vé gạo phát cho toàn thể nhân-dân ». Theo nhà bình-phẩm ấy thì sự viển vông đã hiển nhiên, vì « lấy giấy mực đâu mà in 9 triệu vé phát cho nhân dân? » Nếu độc-giả cùng chúng tôi lấy một chiếc bút chì và một mảnh giấy thì sẽ tính ngay ra mỗi tháng phải dùng bao nhiêu giấy mực về việc này. Mỗi vé cỡ 3 × 2 phân tây, mỗi tờ giấy 65×100 in được 1000 vé, vậy in chín triệu vé phải 9 nghìn tờ (hay là 18 rames double raisin). Các báo hàng ngày còn in được hàng vạn tờ thì thiết

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

tưởng cũng có thể có bấy nhiêu giấy để làm một việc can-hệ đến vận-mệnh của dân. Vậy còn có việc thiếu suy xét hơn việc ấy nữa.

Cũng trong bài báo này, ông Lê-văn-Hòe lại vạch ra mấy sự bất ngờ của thể-lệ thóc gạo hiện-hành:

Thành-phố Hanoi có ba mươi vạn nhân khẩu, kể trung bình mỗi người ăn nửa cân thì mỗi ngày thành phố phải dùng ít nhất là 1500 tạ gạo. Nếu chỉ trông vào hàng sáo tiếp-tế, mà mỗi hàng sáo chỉ gánh 50 cân, thì phải có 3000 hàng sáo gánh gạo vào thành phố. Nếu cho phép 4 người để chung gánh vào một xe bò thì cũng phải có 750 chiếc xe.

Có lẽ trước ông Hòe chưa có ai lấy một chiếc bút chì và một mảnh giấy để làm cái tính nhỏ ấy, nếu không đã thấy hiện ra trước mắt một quang-cảnh náo-nhiệt dị thường như cảnh hội, một nọ dài xuốt năm: ba nghìn hàng sáo (không thiếu được một người) nghễu nghện gánh gạo đi rong, đi hàng một thành một đoàn dài 9 cây số, đi hàng ba cũng rợp đường từ Yên-Phụ đến Bạch-Mai; hoặc 750 chiếc xe bò,đỗ dài một giọc 3 cây 750 thước. Trong những ngày nắng ráo và tươi đẹp thì đoàn vận-tải ấy chỉ làm hoạt-động cho thành phố, nhưng ta cũng phải nghĩ đến những ngày mưa bão...

Chúng tôi cũng tin rằng các điều-lệ xét ra có khuyết-điểm sẽ được sửa đổi dần, nhưng vì sao không suy xét cho chu-đáo từ lúc đầu?

Này ai cũng phải công-nhận rằng sự buôn bán thóc gạo không thể để tự-do được và phải có tổ-chức. Nhưng cứng trước việc làm thì người ta có hai thái-độ: một là tiến dần để, đợi kinh-nghiệm mà sửa chữa, hai là cương-quyết dùng một phương pháp đã suy xét kỹ càng và chắc chắn ngay.

Tôi chủ-trương việc tổ-chức triệt để tóm tắt lại có ba nguyên-tắc như sau này:

1) kiểm-soát việc tiêu-thụ,

2) kiểm-soát việc sản-xuất,

3) đặt điều-lệ về giá gạo, về việc chứa, buôn bán, chuyên chở thóc gạo.

Chủ-ý của các thể-lệ ấy là lo cho dân dân ở đâu và lúc nào cũng mua được gạo bằng một giá nhất định, không lo thiếu gạo lúc giáp hạt hay nhỡ có thiên tai, vì khi gạo không thừa thì không những phải hạn-chế sự tiêu-thụ của từng người, còn phải cố tải gạo ở miền Nam, lập thành những kho dự-bị phòng-cơ nữa. Việc tổ-chức ấy phải đi đến những chi-tiết nhỏ, như về giá gạo phải đặt giá tại gốc, giá cho người buôn lớn, và cho hàng sáo bán lẻ; lập kho trữ thóc phải lo việc kiểm-soát; cho buôn bán thóc gạo phải tiệt-trừ sự đầu-cơ, phải lo điều-khiển sự phân phát vân vân. Dự-án ấy bàn nên để cho dân dự vào việc bài-trừ đầu-cơ, những lạm, tức là để cho dân được tự-vệ. Đề-nghị này đã được ứng dụng một vài phần.

Còn chế-độ của chính-phủ, chung tôi theo ông Lê-văn-Hòe tóm tắt ra đây:

1. Bỏ lệ cũ của Pháo mua cướp thóc bằng giá rẻ;

2. Cho phép chuyên chở tự do dưới 50 cân, sau đổi lại là cho phép hàng sáo được gánh tự do.

3. Cứ trên 2 tấn thóc hay 1 tấn gạo phải khai, sau đó rằng nhà tư-gia không sản xuất chỉ được giữ gạo đủ dùng trong hai tháng.

4. Trừ hàng sáo và nông-phố ngân-hàng, cấm không ai được mua gạo của nhà sản xuất.

5. Giá định cho thóc từ 100 đến 130$ gạo từ 150 đến 195$ một tạ.

6. Tại thành-phố phủ Khâm-sai sẽ lựa chọn các nhà buôn để tiếp-tế cho công-chức và dân.

7. Trái lệnh sẽ bị phạt nặng.

Nhưng lúc áp-dụng thì ông Hòe thấy rằng: Chính-phủ đặt giá nhưng vẫn vô hiệu, đặt cách chuyên chở những cách ấy sẽ làm cho các thành-phố thiếu gạo; cho hàng sáo đong gạo nhưng họ không biết đong ở đâu.

Vì vậy ông đề nghị phải sửa đổi như sau này:

1. Định giá gạo cho nhà sản xuất và đặt số hoa-lợi cho hàng sáo một cách duy nhất, để bán gạo một giá nhất định.

2. Cho chuyên chở gạo bằng đủ mọi cách và không hạn bao nhiêu, cốt chỉ để bán lẻ

3. Cưỡng bách các chủ ruộng phải bán cho hàng sáo.

4. Kiểm-soát sổ gạo của các điền-chủ.

5. Mở cửa hàng gạo của Chính-phủ để bán cho dân thành-phố.

6. Đặt lệ thưởng phạt.

Ông Lê-văn-Hòe khiêm tốn nói rằng: ông chỉ muốn bổ-khuyết vào chế-độ của nghị định ngày 7-6-45, nhưng thực ra ông muốn đổi một việc tổ-chức so-sài ra một cách tổ chức chặt chẽ hơn. Nhưng thế cũng chưa đủ, khi thi hành kế-hoạch của ông lại sẽ thấy nhiều sự khó khăn phải giải quyết, nghĩa là lại phải đặt thêm lệ-luật khác nữa. Tôi lấy mấy điều sau này làm tỷ dụ:

1. Chỉ đặt giá thóc gạo tại gốc và đặt giá bán cho hàng sáo không đủ, vì khi mua gạo gần thì hàng sáo quá lời, khi mua xa thì không đủ vốn, vì chuyên chở đắt, vậy phải đặt giá bán theo từng địa-phương hoặc có một quỹ riêng để bù vào tiền chuyên chở (caisse de compensation) cho giá gạo được nhất loạt.

2. Cho chuyên chở tự do và không hạn số gạo, vậy khi gạo về nhiều không kịp bán thì để vào đâu, để tránh việc giấu giếm tích trữ? Sao không lập ngay những kho chính-thức ở các phủ huyện, tỉnh-lỵ hoặc thành-phố, một là để giúp nhà nông, muốn bán gạo thì được tiền ngay, hai là tiện việc phân phát, kiểm soát?

Dùng hàng sáo để phân phát gạo là ý-kiến chung tôi bày ra từ trước, nhưng hàng sáo chỉ có thể buôn bán trong phạm vi một huyện, một thành-phố, mua thóc ở các nhà nông đem ở kho rồi làm ra gạo bán cho người đong. Ta không thể trông vào hàng sáo để chuyên chở được.

3. Khi bắt nhà nông phải bán gạo, lại phải xem nơi ấy có thừa gạo không, vậy trước phải lo việc tiếp-tế địa-phương, điều-tra về sự sản-xuất và về nhân khẩu, tức là phải điều-khiển sự phân-phát một cách chặt chẽ hơn.

Vài tỷ dụ ấy đủ tỏ rằng trên con đường tổ-chức không thể dung mưa chừng được: hoặc phải sửa đổi mãi, hoặc chỉ có hại mà không có lợi.

Tổ-chức dân quê là việc khó chăng? Không ai dám nhận là dễ, nhưng tôi cực lực phản đối người nói dân ta chưa đến trình-độ tổ chức. Nói thế là không tin về tương-lai của nước Việt-Nam, vì thế-giới sau này sẽ là một thế-giới hoàn-toàn tổ-chức và sẽ không có chỗ cho một dân-tộc thiếu tổ-chức.

(xem tiếp trang 25)

SÁCH MỚI:

TRƯNG NỮ-VƯƠNG

Cuộc khởi-nghĩa của hai Bà dưới thể ca-kịch.
Tựa của Hoa-Bằng. Giá: 3$00

KHÚC TIÊU TRIỀU

Tập hát ca theo các điệu ta và tàu (Phước-châu, Hồ-quảng). Giá: 1$50
Cả hai cuốn đều của nhà soạn vở trẻ NGUYỄN-TIẾN

HƯƠNG-SƠN xuất-bản
113-115 — Phố Lê-Lợi — HANOI

NƯỚC PHÁP CHẾT DỞ CÒN MONG CHIẾM ĐƯỢC ĐẤT CỦA AI? (1)

CÔNG-CHỨC VÀ CHÍNH KHÁCH PHÁP ĐÃ ĐƯA NƯỚC HỌ ĐẾN CHỖ SUY-VONG

Pháp-quốc là một nước dân-chủ cộng-hòa. Mà dân-chủ cộng-hòa lần này là lần thứ ba khởi đầu từ năm 1870.

Chính sách dân-chủ từ năm 1870 đến năm 1940 đã sản ra tất cả trên dưới 80 Nội-các, 80 vị thủ-tướng trong vòng 70 năm, tính ra trung-bình mỗi Nội-các cầm quyền được non một năm, kỳ thực có Nội-các làm việc được vài tháng. Có Nội-các làm việc được vài chục ngày như Nội-các Fallières cầm quyền từ ngày 28 janvier 1883 đến ngày 17 février 1883. Có Nội-các chỉ đứng vững vẻn vẹn trong 6 ngày rưỡi như Nội-các Dufaure từ ngày 18 mai 1873, đến ngày 24 mai 1873. Có Nội-các ra đời được chẵn 24 tiếng đồng hồ như Nội-các Rochebouët sống từ ngày 23 novembre 1877 đến ngày 24 novembre 1877.

Một chính-phủ mà địa-vị bấp-bênh như vậy, quyền-hành ngắn như vậy, tất không thể kiến-thiết được cái gì vững bền, cái gì ít lâu cho dân, cho nước.

Chỉ những lo chiều theo dân ý, dân-nguyện, hơn thế chiều theo ý đại đa số nghị-viên, hơn thế nữa chiều theo ý muốn của đảng phái nào mạnh nhất trong Nghị-hội, để củng-cố địa-vị mình cũng đã vất-vả khó nhọc thay, Nội-các Pháp còn thì giờ đâu mà mong thực-hành việc ích này, cải cách điều xấu khác? Nhất là nhiều chương-trình cải-cách lại đòi nhiều thì giờ gấp mười đời sống chất chưởng của Nội-các.

Chính-phủ nào, ông Thủ-tướng cũng chỉ lo sao cho được nhiều phiếu tín-nhiệm, lo sao cho khỏi bị Nghị-hội đánh đổ, thành thử chẳng làm được việc gì to tát, khả dĩ làm cho dân giàu nước mạnh. Thành ra dưới cái chính-sách đa quan nhiều dân, trong khi các nước chạy thì nước Pháp bò từng bước một, lập thành dân-quốc trước sau hơn một thế-kỷ rồi, mà chính-lệnh, pháp-luật, chế độ nhất nhất đều trong thời kỳ thí nghiệm, cứ bắt đầu làm đi, bắt đầu làm lại luôn, dễ dầm thử thách mãi chưa có gì là vĩnh-viễn, nhất định cả. Chính phủ Pháp dầy dụa, múa may quay cuồng mãi mà tới nay vẫn chưa tìm thấy cái đạo chính đáng để trị dân, cái lý-tưởng chính đáng để thực-hiện, cái mục-đích chính đáng để đạt tới.

Một bà già nhuộm tóc, phấn sáp trát bự cả mặt, đã ngoại bốn mươi tuổi đầu mà làm ra bộ ta đây mới có hai chục xuân xanh, dở chứng dở hơi đua đòi cùng các cháng trai trẻ. Đó là hình ảnh nước Pháp dưới mắt một văn-sĩ... Pháp!

●

Chúng tôi không bao giờ định làm án chính thể dân-chủ cộng-hòa. Chính thể dân chủ vốn rất hay, nhưng người Pháp với những tư tưởng cá-nhân, vị kỷ do phong-trào lãng-mạn, văn-minh vật-chất gây nên đã làm cho chính-thể ấy thành thối-tha, mục-nát, đẻ ra những chế-độ cũng mục nát, thối tha. Tựu trung tệ-hại nhất là chế-độ lại-trị (fonctionnarisme).

Chế-độ lại-trị chính là con mọt đục khoét ruỗng dần nước Pháp và làm nước ấy một ngày một nghèo thêm.

Nghị-viên Plichon trước Hạ nghị-viện ngày 6 novembre 1905, cho ta thấy số quan-lại (hay công-chức) nước Pháp tăng tiến một cách mau chóng rất đáng ghê sợ:

Năm 1846 tại Pháp có 188.000 công chức.

1858 có 217.000 công chức
1873 — 285.000 —
1896 — 400.000 —

Phải thêm vào đó, số 8.000 công-chức ăn lương các quận và 122 000 công chức ăn lương hàng xã, tổng cộng thành 530 000 viên-chức văn-ban.

Chỉ lo chạy trả đủ lương bổng cho số công-chức đồ sộ đó, cũng đã là một gánh nặng cho nền tài-chính Pháp-quốc rồi.

Năm 1846 chi lương hết 245 triệu quan.

1858 chi hết 270 triệu quan
1873 — 400 —
1894 — 545 —
1897 — 616 —

Tính cả số lương hưu trí, thì năm 1897 nước Pháp đã phải trả công quan-lại hết 651 triệu quan. Số công-chức đó mỗi ngày một tăng thêm chứ không bao giờ giảm bớt.

Báo «Cri de Paris» ra tháng Août 1906 cho ta biết rằng bấy giờ (1906) tại Pháp quốc có đáng 625.000 công-chức. Tính trung-bình mỗi vị niên-bổng 1 500 quan thì mỗi năm chính-phủ Pháp phải chi ra: 1500 × 625.000 = 937.500 000 quan, non non một ngàn triệu chứ không ít.

Guồng máy cai-trị nước Pháp hẳn chạy mau lẹ lắm và hoàn hảo lắm? Chế-độ chính-trị Pháp tổ-chức hẳn phải chu-đáo lắm, có phương-pháp lắm?

Báo «Cri de Paris» (tiếng thành Ba-lê) ra tháng Août 1906 đã viết trả lời như thế này:

«Cứ bốn công-chức nhà nước, thì ít ra là hai vị hoàn toàn vô dụng. Công việc duy nhất của họ là ăn lương của Ngân-sách. Vậy người ta có thể phế bỏ hẳn đi mất nửa, mà không thiệt hại gì. Chẳng việc gì bị đình trệ hết.

«Nhưng thế là làm quá chăng? Ta nên rộng lượng hơn. Cứ bớt công-chức, ta bỏ đi một thôi. Chẳng sở nào, chẳng nhà nào bị bận việc hết. Mà làm thế, mỗi năm nhà nước sẽ tiết kiệm được 284.360.000 quan.»

Và Emile Raviart, tác-giả sách «Comment on devient un homme d'action» (Làm cách nào để trở nên người hoạt-động) xuất bản lần thứ hai năm 1929:

«Tại bộ nào cũng vậy, người ta cũng nhận thấy có nhiều công-chức hoàn toàn vô ích, những vị thanh-tra chẳng thanh-tra cái gì hết, những vị giáo-sư không có học-trò, những vị thu ngân không có gì mà thu cả, những nhà-lại chẳng có việc gì khác là gọt mỏng tay và đọc nhật-trình.»

Nguyên-lão nghị-viện Méline, trong bản phúc-bẩm về ngân-sách Canh-nông năm 1907 thì đáp:

«Trong các trường Nông-nghiệp của chính-phủ, tinh

(1) Xem bài 1 trong số trước.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

trung bình cứ bốn người học-trò thì có một vị giáo-sư.»

Và sau hết trong câu chuyện thế diễm dưới này, Poincaré, Tổng-trưởng bộ Tài-chính trước Hạ-nghị-viện Pháp, năm 1907 cho ta thấy cái thái độ công-chức Pháp đối với việc công nó như thế nào.

«Trước kia, Pháp quốc chưa chế lấy diêm dùng, phải mua của nước Bỉ thì giá diêm như sau này:

Hạng diêm 87 tức là hạng G S. đóng hộp mỗi hộp 500 que, giá mua 104 quan 1 triệu que.

Hạng diêm 191 tức là hạng PS. mỗi bao 50 que, giá mua 198 quan 1 triệu.

Đó là tính tất cả các sở-phí rồi.

Năm 1904, chính-phủ Pháp lập nhà máy chế lấy diêm dùng, thì hạng 87 tính ra phải chi hết 130 quan một triệu, hạng 191 phải chi hết 202 quan một triệu. Sau này theo lệ tăng công hợ lên 10 phần trăm hạng diêm 87 phải chi hết 134 quan, hạng 191 phải chi 210 quan một triệu.

Công chức chẳng làm lợi gì cho nước mà chỉ hùa nhau khoét đục công quỹ để nhét đầy túi tham của mình.

Năm 1906, nước Pháp có 625 000 công chức, chi lương hết 937.500.000 quan mà dân số nước Pháp hồi ấy có non noả 39 triệu người, cứ tính theo dân số thì mỗi năm mỗi người dân phải đóng hơn 24 quan để trả lương nha-lại, và cứ già 62 người dân có một công chức, nghĩa là mỗ công-chức chính-phủ chỉ cai-trị trung bình có hơn 60 người dân.

Thật đúng như lời nhà văn E Raviart đã nói:

«Nghề nha-lại làm ta (Pháp) nghẹt thở và làm ta (Pháp) đốn ngã eo.»

Nha-lại chẳng những làm hại nước Pháp, nha lại làm hại cả các nước mà Pháp đi chiếm làm đất thực-dân.

Các công-sở, các bộ-viện nước Pháp dù mở rộng cửa cho người ta như thế, song vẫn không dung đủ số hàng vạn hàng triệu văn-bằng luôn luôn ngập nghẹ cái ghế công-chức. Công-chức Pháp dù sao vẫn là một món hàng xuất-cảng rất quan trọng.

«Tất cả các thuộc-địa Pháp đều chật nịch những công-chức. Các vị thượng thư, các viên toàn-quyền thuộc-địa biết rõ rằng cái chế-độ công-chức đó nó tổ-bịch và tai hại như thế nào, nên vẫn giữ cái thực-sở công-chức và cũng không thể nào đếm đúng được hàng cơ hàng đội người sống vì ngân-sách Mẫu-quốc, ngân-sách phủ Toàn-quyền và ngân-sách địa-phương các xứ thuộc-địa.

«Tại xứ Soudan, cứ 4 người Pháp thì ít ra có ba người là công-chức. Tại xứ Algérie, số nha-lại mọc nhiều hơn là giống xương-rồng và giúp cho cái xứ đẹp đẽ ấy sống trong một tình cảnh gần như sa-điền vậy.» (E. Raviart)

Tại Đông-dương, chúng ta cũng nhận thấy cái tai-hại của chế-độ lại trị Pháp như thế. Chẳng nói nhiều, chỉ mấy con số dưới đây cũng đủ cho ta thấy người Pháp hủy-hoắc tiền bạc thuộc-quốc để nuôi người Pháp như thế nào rồi.

Niên học 1938-1939, trường Y-khoa Đại-học Hà-nội gồm có vẻn-vẹn 218 sinh viên, mà số giáo-sư và phụ giáo tổng-cộng tới 22 vị, tính ra mỗi thầy giáo dạy chưa đầy 10 người học-trò. Cũng miền

(xem tiếp trang 26)

XÌ-GÀ thơm nhẹ hơn hết (hút rất thông) dùng thay thuốc lá rất tiện và lịch-sự:

EROS... VIRGINA

Bán buôn tại: Phúc-Lai, 37 Phố Huế, Hanoi, Giây nói 274
Đức-Nghị 23 Hàng Đào Hanoi, giây nói 690

NHỮNG ANH-HÙNG TUẤN-QUỐC TRONG 86 NĂM PHÁP ĐÔ-HỘ

Nguyễn-Cao

ngồi ung-dung trước mặt Thống-sứ Bihourd, tự rạch bụng, moi ruột, cắn lưỡi, móc mắt để chỉ tỏ người Việt-Nam không sợ chết và không chịu phục tây

I

—Thật là một người can-đảm, coi chết như không, bác nhỉ! Gươm kề tận cổ mà cứ ung-dung, tươi cười.

—Lại còn phải nói! Bạn thân của cụ Tán-Thuật đấy, và nghe như chính ông cũng từng làm quan to.

—Vậy mà dạo nọ quan kinh-lược (Nguyễn-hữu-Độ) hiểu-dụ cho dân, nói rằng người Pháp họ văn-minh nhân đạo!... Một người đã tự hủy thân-hình, moi ruột cắn lưỡi, mà họ cũng nhẫn tâm đem ra hành hình xử chém; thế là dã-man độc-ác thì có, chứ văn-minh nhân-đạo ở chỗ nào không biết?

—Ừ, độc-ác thật!... Tôi đã được xem một người chết hẳn rồi, chỉ còn là cái tử-thi mà họ cũng đưa ra chiếu lệ xử chém kia.

—Khốn nạn! Phần nhiều là tại bọn quan lại mình tâng công, bày vẽ ra đấy, ai còn lạ gì?

Này, các bác ạ, tôi nghe nói bà cụ thân-sinh ra người bị chém hôm nay, cũng là hạng đàn bà nghĩa liệt hiếm có... Người ta nói mẹ nào con ấy, thật quả không sai.

Đó là câu chuyện trao đổi ở giữa những người đi xem chém một nhà văn-thân, hồi 6 giờ chiều hôm 14 tháng tư dương-lịch năm 1887. Nơi hành-hình là một khu đất trống bên hồ Hoàn-kiếm, thành phố hàng Đào chạy ra, chính là chỗ có nhà ga xe điện bờ hồ ngày nay.

Bà con ta đi xem rất đông, vì nhân-phẩm lạ lùng, danh-vọng to tát của người bị chém. Nhiều con mắt chứng-kiến phải ứa lệ cảm-thương khi thấy cái đầu kia rơi xuống, lăn lóc dưới đất. Lúc về, người nọ bày tỏ cảm tưởng với người kia, không ngại gì tại vách mạch rừng; vì lúc bấy giờ kẻ đó hộ ta chưa tổ chức ty mật-thám và lại chim mồi có rỏ săn họ thả ra cũng chưa thính mũi như bọn chuyên nghiệp về sau.

Người bị chặt đầu bằng mã-tấu hôm ấy là ông Nguyễn-Cao, có tiếng ở xã hội đương thời là ông Tán Cao.

Các ngài xem thân-thế tráng liệt của ông, tự nhiên sẽ thấy những người được dự cuộc xử trảm hôm 14 Avril 1887, phải động lòng thương xót anh-hùng mà phê-bình quân xâm-lược kia hẳn những tiếng dã-man, độc-ác, thật không quá đáng.

Ông Nguyễn-Cao, hiệu là Trác-phong, người làng Cách-bi, tỉnh Bắc-ninh, sinh vào khoảng Thiệu-trị nguyên-niên, con một nhà thanh-bạch nho-phong, mồ-côi cha khi còn ở trong thai, đến bốn tuổi bà mẹ lại qua đời, nhờ có người trong họ dưỡng-dục mà học được thành danh.

Lúc ông đến tuổi khôn lớn, hiết suy xét, là lúc nước nhà đã mất hết một phần ba, còn hai phần kia giặc Pháp đang tìm cách thôn-tính nốt. Ấy là chưa kể những nạn đói kém, những quân thổ-phỉ hoành hành, làm cho dân-tình điêu đứng khổ sở.

Ông tự nghĩ sinh ra làm thằng con trai giữa buổi quốc-bộ gian nan thế này, phải làm sao giúp nước chống được ngoại-xâm, vì dân trừ được thống-khổ, chứ theo đuổi lối thường, chỉ cầu lấy thi đỗ làm quan, để vinh thân phì gia, chẳng hóa uổng sinh ra đời, mà sự sống như thế cũng không có thú vị gì nữa.

Bởi vậy, sau khi thi đỗ Thủ-khoa, chẳng những ông không muốn cầu-cạnh xuất thân như người ta, lại còn khẳng-khái chối từ lòng tốt của quan Tổng-đốc Hà-Ninh (Hà-nội và Bắc-ninh) đương thời muốn tiến-cử ông với triều-đình, cho ông được sơ-bổ giáo-thụ phủ Từ-sơn, đợi khuyết chân tri-huyện nào thì điền lập tức.

Người không biết, cho ông là lập dị, nhưng sự thật ông có một hoài-bão khác.

Cũng gì, đỗ Thủ-khoa cũng là đạt mục-đích về văn-sự rồi, bây giờ nhà nho muốn nghiên cứu võ-nghệ.

Nhà vốn thanh-bần, không có ruộng sâu trâu nái gì của tổ-phụ để lại, ông Trác-phong tổ-chức sự sống hằng ngày bằng cách mở trường dạy học ở quê nhà, trong khi bà vợ thân lưng bó quẹt, xăn váy quai cồng, làm việc cày cấy trồng tỉa, như một người nông-phụ lam lũ.

Ngoài giờ gõ đầu trẻ chỉ hết một phần buổi sáng, ông liệu hết tâm-lực và thời-khắc còn dư trong ngày, chăm chú nghiền ngẫm những binh-thư đồ-trận. Mỗi chiều, có một thầy võ-cử là bạn thân-cố làng bên cạnh, đến dạy ông về côn-quyền và kiếm thuật.

Có vị bô-lão trong làng đến chơi, bắt gặp ông đang xoay trần đóng khố, múa gậy giữa sân, cho là mất vẻ nhã-quan của nhà khoa-mục, nhăn mặt và nói, có ý chê bai trách móc:

— Ngài là bực khoa-bảng danh giá, tội gì còn học nhảy múa như chú võ-biền, trông chướng mắt lắm!

— Các cụ không xét xa nghĩ rộng đấy thôi! Trong lúc nước nhà có giặc trong giặc ngoài lúc-nhúc như rươi như bọ thế kia, chỉ có quả đấm mới hợp thời, dễ thường lấy quản bút mà chống cự chúng nổ được ư?

Ông cười và trả lời, rồi kể tiếp múa gậy như thường, không kể gì những tiếng dị-nghị sôi nổi trong chốn hương-ấp.

Thật quả thời thế nước ta lúc bấy giờ càng ngày càng nguy nan đa sự, như một người lội dưới bùn lầy, mỗi bước chân lại lõm thêm một ít, không sao cất lên được nữa. Riêng ở Bắc-hà giặc trong lẫn ngoài đồng thời những nhiễu ấu cách. Giặc Pháp đã nuốt mất Nam-kỳ của ta rồi, tham-tâm chưa thấy no đủ, còn lăm-lăm vồ lấy mạn Bắc để mở đường sang Tàu, coi những đất ruộng phì-nhiêu, núi non trùng điệp ở quanh lưu vực Hồng-hà như con thịt béo, chỉ chực sinh sự cướp cho kỳ được mới nghe. Còn ở thượng-du và một phần trung-du thì đầy dẫy giặc khách, cướp bóc hoành hành, tàn hại dân-chúng; nhất là bọn Ngô-Côn, dư-đảng Thái-bình Thiên-quốc thua trận bên Tàu chạy sang.

Triều-đình sai ông Vũ-trọng Bình ra làm Hà-Ninh tổng-đốc, kiêm-chức Tuyên, Thái, Lạng quân thứ khâm-sai đại-thần, chuyên việc tiễu trừ giặc khách. Ông nghe tiếng Thủ-khoa Cao, người làng Cách-bi, tỉnh Bắc, là một dật-sĩ, tài kiêm văn võ, liền viết thư mời ra hỏi kế, rồi tâu xin bổ ông làm Thương-tá, giúp việc trong quân-thứ.

Cuối năm canh-ngọ (1870) quan Tiễu-phủ-sứ Ông-ích Khiêm đánh một trận ở Bắc-Ninh, bắn chết Ngô-Côn và phá tan quê giặc, ông Nguyễn-Cao có dự phần chiến công. Lúc ông mới độ ba mươi tuổi.

Ngô-Côn tuy chết, tàn-đảng vẫn còn đông chia ra Cờ-vàng, Cờ-đen, Cờ-trắng khác nhau, mỗi toán chiếm cứ một địa-bàn, bắt dân nộp sưu thuế, quấy nhiễu khắp vùng thượng-du. Sau chỉ có toán Cờ-đen của Lưu-vĩnh Phúc chịu đầu hàng, giúp sức cho quân ta đánh lại mấy toán kia và kháng-chiến cả với giặc Pháp.

Kể đó, ông Nguyễn-Cao trở nên bộ-tướng dưới quyền chỉ huy của Hoàng-kế Viêm và Tôn-thất Thuyết, khi hai ông này vâng mệnh đem quân ra Bắc đánh giặc Cờ-Vàng Hoàng-sùng Anh.

Sống giữa trận mạc luôn mấy năm, ông thu góp được nhiều kinh-nghiệm quân-sự; lại được Tôn-thất Thuyết để vào mắt xanh, mặc dầu tuổi còn trẻ, chức còn thấp.

Khi đánh xong giặc Cờ-vàng, Thuyết về triều làm thượng-thư, tâu xin nhà vua đặc cách bổ ông thủ-khoa làng Cách-bi một bước từ chức thuộc-viên lên địa-vị thực thụ án-sát tỉnh Thái-nguyên. Triều-đình ủy-thác ông cái nhiệm-vụ giúp sức cho quan-quân lão trừ những họn giặc cỏ vẫn còn hoành-hành khắp vùng Tuyên, Cao, Thái, Lạng. Chức vị ông là quan án một tỉnh mà gánh vác trọng-trách một vị tướng-quân, phạm-vi thế-lực lan rộng hầu khắp mạn ngược.

Sĩ-phu càng đem lòng kính nể, vì họ trông thấy ông nghiêm-nhiên làm một bực tinh-thần đương-quan như thế, mà sự phụng vấn đơn sơ khiêm-tốn như người học trò. Mặc chồng làm quan, bà vợ cứ ở quê nhà lo việc ruộng nương canh cửi, không thay đổi cách sống hàn-vi. Ông thường nói với người thuộc-hạ:

— Giữa lúc quốc-gia đa nạn thế này mà kẻ làm quan không lo việc nước, không biết thương dân, chỉ mưu sự sung sướng riêng cho bản-thân, cho thê-tử, tôi bảo kẻ làm quan ấy không phải loài người.

Hình như ông là một trong số bốn năm vị Bắc-hà thân-sĩ hồi bấy giờ đã mạnh bạo liên-danh vào một tờ biểu, dâng vua Tự-đức, xin mau mau tổ-chức quân đội tân thời, mua khí-giới tân-thời, để chống cự giặc Pháp và thu-phục Nam-kỳ. Nhưng tờ biểu ấy, nhà vua xem rồi bỏ xó, cũng như tập điều-trần cứu quốc của Nguyễn-trường-Tộ vậy.

Ông cừu-thù ác-cảm người Pháp đào để, cho nên khi được lệnh triều-đình bắt phải tòng-phục bảo-hộ, thì ông nộp ấn bỏ quan mà đi ngay, không thèm tiếc danh-vị bổng lộc một tí nào. Nghĩa-vụ thắng dân vong quốc là phải đổ máu xả thân mà đánh đuổi quân địch, cứu vãn nước nhà; ông nghe tiếng gọi của nghĩa-vụ ấy mà bỏ quan về mộ binh khởi nghĩa, đánh lại giặc tây.

(Kỳ sau đăng tiếp)

ĐÀO TRINH NHẤT

NHỮNG TRUYỆN HI-SINH RẤT GHÊ GỚM Ở Á-ĐÔNG

HAI TRUYỆN TỰ-SÁT RÙNG-RỢN Ở NHẬT-BẢN

Đại-tướng Nãi-Mộc mổ bụng chết theo

MINH-TRỊ THIÊN-HOÀNG

và phu-nhân cũng tự-sát ngay ở bên cạnh chồng

Vì sự thiên-nhiên, đất nước Nhật-bản ở vào một vị-trí đặc biệt trong Thái-bình-dương. Non nước hữu tình ngoài cho dân nước một cái phong-khí thiên-chân lạn-mạn, không bao giờ yếm thế. Không những vậy, họ lại có một đặc tính khinh sinh. Hám sống vai sống thật, nhưng một khi sống mà có điều làm ô-nhục cho danh dự riêng của cá-nhân hay danh-dự chung của dân-tộc, họ lập tức hi-sinh, không đoái tiếc. Sự khinh sinh mãnh-liệt nhất của người Nhật là lục mổ bụng, vẫn quen gọi là «hara kiri» hay «thiết-phúc». Người tự sát, tự cầm dao rạch ngang rạch dọc vào giữa bụng mình mà chết một cách rất ung dung. Người tự-sát bằng cách này không hề dấu diếm; trước đó một hai ngày có viết giấy báo cáo khắp các người quen biết mới đến chứng kiến việc mình cần phải chết theo như ngày giờ đã định. Xin kể lại hai vụ tự sát theo cách «thiết phúc» ra đây:

Đại-tướng Nãi-Mộc mổ bụng chết theo Minh-trị thiên-hoàng

Ai đọc đoạn sử oanh-liệt trong bước đầu duy-tân của Nhật tất đã thừa hiểu cái chiến-công oanh-liệt của hai vị anh-hùng, là nguyên-soái Đông-hương và đại-tướng Nãi-Mộc đáng nên kính-phục như thế nào. Riêng đại-tướng Nãi-Mộc lại được quốc dân Nhật sùng bái hơn.

Sau khi Nãi Mộc đại-tướng được Minh-trị thiên-hoàng cho từ chức về vườn, đại-tướng cùng phu-nhân đến ở một cái cái nhà nhỏ chỉ có 4 gian, làm trên một ngọn đồi phong cảnh rất thanh nhã ở gần đô thành Đông-kinh.

Năm Minh-trị thứ 44, Minh-trị thiên-hoàng thăng-hà. Đại-tướng Nãi-Mộc vật mình kêu khóc suốt ngày đêm, rồi bắt người nhà lập một bàn thờ Thiên-hoàng ngay giữa nhà, luôn-luôn đứng trước bàn thờ khấn vái, tỏ lòng rất thương tiếc một vị anh-quân sinh thời đã một lòng tin dùng mình, khiến được đem hết tài năng góp góp vào công cuộc đỏ vàng cho tổ-quốc.

Sáng sớm hôm cất đám Thiên-hoàng, đại-tướng và phu-nhân tắm rửa sạch sẽ, đem áo đại trào ra mặc, rồi cùng vào quì trước bàn thờ. Ngay trước mặt, để một chiếc gối chung, trên gối đặt ngang một thanh bảo kiếm, một gia bảo của ông cha để lại, mà cũng là một vật tùy-thân của đại-tướng trong bao phen xông pha mưa đạn rừng tên.

Trong giờ phút yên lặng đó, bỗng một loạt súng thần-công nổ vang cả kinh-thành. Đó là tiếng súng báo hiệu cho thần-dân trong nước cất giờ rước tử-cung vào Minh-trị về nơi yên nghỉ cuối cùng. Nghe tiếng súng, đại-tướng Nãi-Mộc lại vái lạy đi-tượng Thiên-hoàng một lần nữa, rồi cái xuống cầm lấy thanh kiếm, gỡ tấm giấy lụa bọc ra. Sắc mặt nghiêm nghị, đại-tướng lấy tay trái phanh vạt áo để hở bụng, tay phải ung dung đưa lưỡi kiếm thích ngược lên một nhát rất mạnh. Đoạn đại-tướng cầm chuôi kiếm kéo mạnh về bên hữu, lưỡi kiếm đã cắt đứt cả ruột gan ra rồi.

Đáng qui bên cạnh, phu-nhân đàm-đàm nhìn chồng, thấy chồng đã mổ bụng chết theo Thiên-hoàng, cũng chẳng ngại ngùng cầm con dao găm đâm thẳng vào bụng tự sát, vì đàn bà không được phép mổ bụng.

Cả hai vợ chồng đều ngã gục xuống. Tức thì một người bạn thân được mời đến chứng kiến đã chờ sẵn ở phòng bên, đẩy cửa bước vào, tay cũng cầm sẵn một thanh kiếm, ung dung đến đứng bên hai vợ chồng đại tướng, đâm thêm cho mỗi người một nhát vào gáy cho chết hẳn. Đại-tướng Nãi-Mộc đã chết theo vua, và phu-nhân đã hết theo chồng.

Ngay khi đó, chính-phủ Nhật làm lễ quốc tang cả hai ông bà đại-tướng và rước linh vị vào thờ tại Tĩnh quốc thần xã.

Muốn cổ-động chủ-nghĩa Đại-Á, một đảng-viên Hắc-long tự mổ bụng trước hàng vạn người

Năm 1916, ngày rằm tháng ba, giữa lúc kinh-thành Đông-kinh đang mải chơi hội Anh-hoa, bỗng xảy ra một việc mổ bụng tự sát, làm cho ai nấy đều khiếp sợ.

Các bạn đã thừa rõ ở Nhật vốn có một đảng bí mật và có thế lực nhất là đảng Hắc-long. Đảng ấy có một chương trình vĩ đại là thực hành chủ nghĩa Đại-Á, đào Nhật làm bá chủ cả Á-châu, mà chủ nghĩa Đại Á lại chú ý nhất về việc Trung-quốc, cần phải giải-quyết ngay. Trái lại với chủ nghĩa ấy, lại có một phái chủ-trương việc đối với Trung quốc nên theo cách hoãn liễn, nghĩa là nên dùng cách xâm lược dần dần, chớ nên cấp bách. Đứng đầu phái này có Văn Tĩnh làm thủ-tướng lúc bấy giờ.

Hai phái đã đối kháng nhau, tức thành thù địch. Một hôm Văn-Tĩnh ở nhà riêng đi xe đến dinh thủ-tướng làm việc, giữa đường bị một bọn khách bắn mấy phát súng, trúng đạn mà chết.

Thủ-tướng bị giết, ai cũng biết là do đảng Hắc-long xui nên, nhưng đối với đảng ấy, chính-phủ không thể làm lực

(xem tiếp trang 20)

TRONG LÚC LÒNG ÁI-QUỐC CỦA DÂN ARẬP ĐANG SÔI NỔI VÌ VỤ ĐỔ BỘ HẾN NHÁT CỦA PHÁP Ở SYRIE VÀ LYBAN

IBN SEOUD

« người có con mắt ghê gớm ngồi trong thành-trì Ryad mà nhìn suốt được từ bờ Hồng-hải đến sông Euphrate » phen này sẽ thống-nhất được dân Ả-rập chăng ?

Mỗi lần nhắc đến vấn-đề hòa-bình Cận-đông, vấn đề dân tộc Ả-rập thì những ai hiểu rõ tình hình miền đó không thể nào quên được một nhân vật trọng yếu là Ibn Séoud, vua xứ Ryad và nước A-lập-bá. Các báo Âu, Mỹ mỗi khi nói đến Ibn Séoud đều gọi ông là « Nã-phá-luân của sa mạc » hoặc là người giữ cái thánh địa của đạo Hồi Hồi trong thành Mecque. Hơn hai mươi năm nay, vị quốc-vương đó đã được các cường quốc Âu, Mỹ chú ý đến một cách đặc biệt.

Đó là một người nghiêm trang, quả quyết và rất có thế lực, người đó tuy ở trong khu thành trì kiên cố Ryad giữa sa mạc A-lập-bá nhưng con mắt vẫn trông khắp cả miền rộng lớn từ bờ Hồng-hải cho đến bờ sông Euphrate. Vị quốc-vương Arập đó lúc nào cũng có một đạo quân dũng mãnh gồm năm vạn linh Bédouins rất hung bạo. Đạo quân đó vừa là một đạo quân có đủ khí giới chiến cụ tối tân, vừa là một đạo quân thiện chiến đã từng ở dưới quyền chỉ huy của chủ tướng lập được nhiều chiến công oanh liệt. Nhờ lực lượng binh bị đó mà vua Ibn Séoud đã giữ nổi trật tự khắp khoảng đất mênh mông ở dưới quyền ông, nhờ đó mà trong một phần tư thế kỷ nay, vị quốc-vương đó vẫn nắm cả vận mệnh miền Cận-đông trong tay.

« Nã-phá luân Á-rập » chỉ đợi một dịp tốt để thực hành một công cuộc lớn lao mà ông hằng mơ tưởng, đó là việc thống nhất tất cả các nước A-rập (7 nước) thành một đại-đế-quốc A-rập đặt dưới quyền thống trị của chính mình. Giữa lúc này, hành động hèn nhát của người Pháp ở Syrie, Liban đã thức tỉnh tinh thần ái quốc của dân tộc A-rập, một hội nghị thất quốc A-rập đã họp ở kinh thành Ai-cập Le Caire để tìm cách đối phó với Pháp và bảo vệ nền độc lập của hai nước Cận-đông, Ibn Séoud có thể hô hào người đồng loại mà đạt tới mục đích may mắn theo sự mong ước của mình chăng ?

Trong những trường hợp đặc biệt ngày nay, toàn thể dân A-rập và có lẽ cả dân theo đạo Hồi đều trông mong và đợi một hành động quyết liệt của vị quốc-vương bí mật của xứ Nedj và xứ Hedjaz để giải quyết vấn đề chủng tộc và tôn giáo rất lớn lao ở miền Cận đông.

Vua Ibn Séoud suốt đời tranh đấu cho nền thống nhất A-rập

Nói đến cái tên Ibn Séoud, người ta tưởng tượng ngay đến một nhân vật rất bí mật, luôn luôn ở giữa sa mạc không mấy khi ra ngoài và không mấy ai được gần. Không ưa tuyên bố ý kiến mình, không thích những cuộc đàm thoại mất thì giờ, ông chỉ thích hành động, hành động một cách chắc chắn. Cả đến những viên cố vấn tin cẩn, những tướng tá đã từng theo ông đi chinh chiến cũng không thể hiểu rõ được tâm hồn của ông. Chương trình hành động đã nghĩ chín bao giờ cũng được giữ kín đến phút cuối cùng.

Hồi 1938, trong khi xảy ra cuộc xung đột giữa người A rập, người Do-thái và người Anh ở Palestine, hồi 1939, trong khi dân Ai-cập đòi quyền độc lập và xin bãi hợp-ước

(xem tiếp trang 24)

Balfour và cả từ khi xa cuộc thế giới đại rẫy chiến đến nay, người ta chưa hề nghe « Nã phá luân Á-rập » tuyên bố ý kiến. Đến nay người Pháp phạm đến chủ quyền và nền độc lập của dân A-rập ở Syrie và Liban, bội hẳn lời hứa cho hai nước đó độc lập, cả giống A-rập đều nổi dậy để phản kháng, người ta đợi một lời tuyên bố của ông vua xứ Nedj và xứ Hedjaz. Thế mà Ibn Séoud vẫn im lặng. Không ai có thể đoán được ý kiến ông. Từ trước đến nay, trong đời chính trị của ông, Ibn Séoud vẫn luôn luôn tranh đấu cho nền thống nhất A-rập. Ông hết sức trừ khử các vị vua và tù trưởng nhỏ vì đối với ông đó là những trở lực đã ngăn việc lập nên một đế-quốc gồm tất cả các nước A-rập ở miền Tiểu Á-tê-á. Chính ông đã trừ được đạo quân của vua Abdullad xứ Transjordanie gần Turabal chính ông đã đánh đuổi khỏi đất A-rập cả vua Hussein và Ali tức là cha và anh vua xứ Transjordanie ngày nay. Lại chính Ibn Séoud đã thắng Fauzy Kawakjy, một vị chúa sa-mạc vẫn được tôn là « lãnh tụ dân Á-rập » vì Kawakjy bị ngờ là đã giúp Ibn Radafi khởi loạn. Còn đối với Anim al Husseini, nguyên giáo-chủ đạo Hồi ở Jérusalem thì Ibn Séoud cũng chẳng ưa gì. Nói tóm lại những kẻ nào muốn làm vua xứ A-rập tất phải đi qua con đường là Mecque và Ryad là con đường Ibn Séoud canh giữ một cách rất nghiêm nhặt khó lòng vượt qua được.

Một bạo chúa hay một người nhân đức ? Nhưng chắc chắn Séoud là kẻ thù của máy hắt

Vua A-rập Ibn Séoud nguyên tên thực là Abdul Aziz năm nay độ ngoài 60 tuổi, là giòng giõi một vị tiểu-vương A-rập, Séoud le Grand hồi cuối thế kỷ 18 vẫn hùng cứ ở một vùng bán đảo A-rập. Từ lúc còn nhỏ, Ibn Séoud đã theo cha, bị vua Rachid xứ Riad phát lưu đến Kuweit. Đến hồi ông chưa đầy 20 tuổi đã chỉ huy một đạo quân Bédouins nhỏ về đánh đuổi vua Rachid chiếm được nửa xứ Nedj. Hồi này là vào đầu thế kỷ 20 này. Từ đó đến nay, Ibn Séoud đã trải qua nhiều cuộc thắng lợi về chính trị và quân sự. Khởi hành từ Kuweit với năm con lạc đà, hai túi đựng đầy quà chia là với một nhum quân Bédouins và mấy khẩu súng cổ, Ibn Séoud chẳng bao lâu đã chinh phục được cả xứ Arabie trở nên ông vua mạnh nhất trên bán đảo đó. Ngày nay chỉ nghe đến tên ông, những kẻ thù của ông cũng đủ khiếp sợ. Ông đã trừ được hết trộm cướp trong xứ và tổ chức lại nền tài chính của nước Arabie. Ngày nay thì tất cả các bộ lạc cứng cỏ đều đã hàng phục và dưới quyền chỉ huy của vua Ibn Séoud, lúc nào cũng có một đạo quân dũng mãnh nhất miền Cận-đông.

Trong khoảng 40 năm giời, Ibn Seoud đã từ địa vị một tên tù phát vãng nhảy lên địa vị một đại-vương mạnh nhất xứ Arabie. Xét ra Ibn Séoud có đủ tư cách một vị bướng lãnh. Thân hình vạm vỡ, cao hơn hai thước, có sức khỏe hơn người, Ibn Séoud là người thông minh, quả quyết, vừa là một võ tướng có tài, vừa là một nhà chính trị khôn khéo. Ông chỉ huy đạo quân Bédouins rất khéo nên vẫn được lòng quân. Ibn Séoud vừa là một người rất tin đạo, vừa là một nhà thực tế. Khi thì hung bạo đến cực điểm nhưng cũng có khi Ibn Séoud rất nhân đức và rộng lượng. Chính tay ông đã giết một võ quan dưới quyền mình can tội ngoại tình, nhưng chính ông đã biết ba thứ cho Dawish, một kẻ thù đã gây nên một cuộc phiến loạn làm cho hàng ngàn người bị hại. Có lần Ibn Séoud đã liều mình cứu một đứa trẻ con và sau khi đã trừ xong cuộc khởi loạn của Ibn Rafadi, ông đã lấy thủ cấp của kẻ thù vứt ra ngoài đường phố Dahha cho trẻ con dùng làm quả bóng chơi đùa. Chính Ibn Séoud đã lập nên hội Ikwans mà có người đã gọi là những « người điên đỏ trong sa mạc » vì đó là một bọn người tin tưởng một cách mù quáng, tàn bạo và can đảm một cách không bờ bến. Theo đúng những giáo lý của Abdul Wahab, bọn Ikwans không hút thuốc, không uống rượu, không mặc đồ tơ lụa, không đeo đồ trang sức bằng kim loại quý, rất ghét âm nhạc và những kẻ nào không chịu công nhận kinh Coran (kinh của đạo Hồi) là nguồn độc nhất của chính lý,

Nhưng Ibn Séoud có một cái đặc sắc : tuy bọn người Ikwans, đạo quân cấm tử của ông là những người có lòng tin tưởng mù quáng, vua xứ Arabie vẫn khuyến khích nhiều việc cải cách rất tiện lợi trong xứ ông, dầu rằng các đồ đệ trung thành của ông vẫn coi những điều ở Tây phương đưa lại toàn là những cái ghê tởm cần tránh xa. Nhờ trí sáng suốt và óc ưa cải cách của Ibn Séoud mà ngày nay người ta được trông thấy những chiếc ô-tô rất khỏe chạy trên các đường cát trắng trong bãi sa mạc xứ Nedj và một đài vô tuyến điện lập ở Ryad đã nối liền xứ Arabie với thế giới. Vua Ibn Séoud chỉ cấm có một điều theo ý muốn của bọn Ikwans đó là việc nhập cảng các máy hát vì nhà vua sợ rằng âm nhạc của Tây phương sẽ có ảnh hưởng xấu đến những đức tính tốt và tài đánh giặc của bọn « điên dõ trong sa mạc ». Ibn Séoud là một vị vua có tài binh bị và giữ quyền bá chủ đối với dân A-rập nhưng ông chỉ nhu nhược đối với đàn bà.

Tiền bạc có làm gì chỉ có nền độc-lập là đáng kể

Theo đúng kinh Coran thì người theo đạo Hồi không bao giờ được lấy quá bốn vợ nhưng thực ra thì Ibn Séoud đã lấy tới hơn 600 vợ. Vì kinh Coran cho phép ly dị và sự ly dị đó rất dễ dàng nên mỗi khi muốn lấy vợ mới, vua A-rập lại ly dị với một người vợ cũ. Đối với các bà vợ đã ly dị, ông vẫn giúp cho sống một cách đầy đủ và theo lời các bạn hữu của ông thì vua Ibn Séoud tuy thích ly dị như vậy nhưng bao giờ cũng tỏ ra là một người chồng và một người cha biết làm đầy đủ bổn phận. Vì ông lấy vợ nhiều lần như thế nên ông rất nhiều con và đối với các con vẫn rất yêu mến. Chỉ có 17 người con là được công nhận và vẫn ở với ông trong hoàng-cung. Người con được nhà vua yêu nhất là người thứ hai : hoàng-tử Feyçal. Hoàng-tử rất giống vua cha cả về thân thể và tinh-thần. Người rất khỏe mạnh và cao lớn, hoàng-tử đã tập sống một cách dân dị là chỉ vài quả chà và một bát sữa lạc là cũng đủ. Hồi hoàng tử sang thay mặt vua cha ở hội-nghị người Do-thái tại Luân-đôn năm 1939, hoàng-tử đã làm cho người làm công trong khách sạn sang nhất kinh đô Anh, khách sạn Dorchestre phải ngạc nhiên vì ông không chịu nằm giường. Một chiến-sĩ A-rập chỉ ngủ trên một cái đệm giải dưới đất lúc nào cũng giữ sẵn kiếm bên mình. Hoàng-tử Feyçal lại là người học thức. Hồi Février 1940, Ô. Bert Fish sứ thần Mỹ đến Djeddah để bàn về vấn đề dầu hỏa. Ông đã gặp ở đấy một thiếu-niên A-rập cao lớn nói chuyện về việc tìm mỏ và khai mỏ với ông một cách rất thông thạo làm cho ông phải ngạc nhiên hết sức, khi nói đến lợi, hoàng-tử Feyçal đã tỏ vẻ coi thường, bắt chước vua cha trong việc từ chối không chịu chữa một chữ đã viết dù đến nỗi bị thiệt hại tới 9.000 thalers cho một người lái buôn Bédouins. Hoàng-tử đã nói : « Tiền bạc đối với tôi không có nghĩa lý gì. Điều cần hệ là nền độc lập của nước tôi ». Hiện nay vua Ibn Séoud sống một cách yên ổn được dân gian và các bạn đồng đạo yêu mến. Người cố-vấn thân tín và trung thành của vua Ibn Séoud là Saint John Philby, một người Anh sinh trưởng ở đảo Ceylan nhưng đã sống ở A-rập ngoài 20 năm nay, và đã theo đạo Hồi Hồi. Ông biết rất rõ phong tục, tiếng nói và văn mặc y phục A-rập. Cứ mỗi buổi sáng khi ở Mecque, John Philby cũng đến đền thờ Hồi giáo, dập đầu cầu kinh một cách kính cẩn như mọi người A-rập khác. Trước kia Philby giúp việc cho sở Do-thám Anh ở Ấn độ nhưng hiện nay ông đã ngoài 60 tuổi rồi nên không rõ có còn làm việc đó nữa chăng. Người ta chỉ biết ông là đại biểu chính thức hãng ô-tô Ford ở A-rập và có người đã từng nghe ông công kích chính sách của người Anh rất kịch liệt. Philby lại là người từng phản đối Lawrence nhà trinh-thám đại tài của Anh ở Cận và Trung đông. Hiện Philby đã già nhưng vẫn đi phiêu lưu nhiều trong sa mạc và ông là một người nói chuyện giỏi được vua Ibn Séoud rất yêu. Vua A-rập chịu ảnh hưởng của Philby rất nhiều. Nhờ thế mà gần đây, Ibn Séoud vẫn theo một chính sách ôn-hòa, dè dặt.

Giữa lúc việc Cận-đông đưa lên thảm xanh và dân A-rập đang sôi nổi vì thái độ hèn nhát của Pháp ở Syrie Liban quốc vương A-rập có dịnh hành động để thực hiện cái mộng lớn lao của mình là thống nhất tất cả các nước A-rập để lập thành một đại đế quốc chăng?

HỒNG LAM

MỘT THANH GƯƠM MỘT LỜI HỨA MỘT DANH-DỰ

Chúng ta thủa nhỏ hẳn ai nấy đều đọc qua cuốn Don Quichotte của Cervantes, chúng ta còn nhớ buổi thụ-phong của nhà hiệp-sĩ trong một quán trọ, trận huyết chiến với mấy cái cối say gió và sự tâm-tưởng đến người tình trong mộng là nàng Dulcinée.

Những thủ đoạn nửa như hão huyền, nửa như hai hước của Don Quichotte tuy không hẳn là những thủ đoạn của nhà hiệp-khách đời phong kiến, nhưng cũng cho ta thấy một chí khí hiên-ngang, một tấm lòng hiếu dũng và trọng nghĩa mà ở chỗ thuần-túy, nhà hiệp-sỹ chính-danh với chàng Don Quichotte cũng là một.

Ở Âu-châu, nhà hiệp-sỹ sinh vào thời phong-kiến. Vị quân chủ mất hết quyền hành, bọn quý tộc chia nhau đất đai và chiếm cứ mỗi người một nơi, bọn công dân suốt đời làm thuê cho phái quý-tộc và không bao giờ có quyền làm chủ nhân ông một khoảng đất. Nhà quý tộc nhỏ thần-phục nhà quý tộc lớn, và có khi là sự tranh đành nhau, đâm chém nhau, cuộc binh đao nổi lên như ở giữa biên thùy hai nước hiếu-chiến. Nhà hiệp-sỹ (chevalier) ở đấy sinh ra.

Muốn làm nhà hiệp-sĩ không phải chỉ cần có một thanh-kiếm một con ngựa, rồi vỗ bụng la lớn rằng ta đây là hiệp-sỹ như kiểu mấy ông tướng tưởng, mà còn phải qua một thời kỳ dưới trướng một nhà quý-tộc, đến khi được nhà quý-tộc ấy phong cho làm hiệp-sỹ mới có thể nhận mình là hiệp-sỹ.

Ngựa đã đóng yên rồi, gươm đã mài sắc rồi, bây giờ mời nhà hiệp-sỹ lên ngựa, múa gươm, phụng sự chủ-nhân, bảo hộ những người bèn yếu, và đi chinh-phục những đất xa xôi.

Ở Nhật, người ta thấy vết tích nhà hiệp sỹ trong những ca-dao hồi thế kỷ thứ sáu, nhưng chính thật nhà hiệp-sỹ toàn-toàn (samoura) xuất-hiện vào thời phong-kiến ở những trường hợp na ná như bên Âu-châu. Hơn thế nữa, người hiệp sỹ Nhật bị ảnh-hưởng bởi nhà giáo thường coi vị quý-tộc mà mình thần-phục như người đại biểu của trời. Hy-sinh tính-mệnh cho vị quý-tộc của mình là việc mà hiệp sỹ không bao giờ từ chối.

nước ta cũng có Võ-sĩ đạo?

« *Bảo toàn danh-dự của mình, trọng lời hứa, cứu giúp người bèn yếu* », đấy là khẩu hiệu của người hiệp-sỹ. Ở bất cứ trường-hợp nào, người hiệp-sỹ cũng không coi vàng hơn nghĩa và bao giờ cũng sẵn sàng đổi tính mệnh của mình lấy danh dự. Một nụ cười trên môi để tỏ sự nhã nhặn và vững vàng, một thanh gươm bên lưng để tỏ một tấm lòng quyết liệt và ngay thẳng, nhà hiệp-sỹ không bao giờ lùi bước khi nào phải trả thù

chỏ chủ, cho bố mẹ hay cho chính mình. Khi bị người ta nhục mình, tự-sát là một kế để bảo toàn danh dự, vì đã là hiệp sỹ không thể sống mà chịu nhục.

Người ta kể chuyện hai viên nội-thần gặp nhau trên một cầu thang, một người vội vàng không kịp chào lại người kia, người này cho thế là mình bị khinh, dút gươm ra tự sát. Một lát sau, người kia biết chuyện, cũng tự sát nốt, vì không chịu để tiếng rằng mình phải kém người bạn đồng nghiệp.

Chuyện bốn mươi bảy người hiệp-sỹ báo thù cho chủ là một bản kịch đầy vẻ hùng tráng tỏ rõ chủ nghĩa của đạo võ-sỹ (Bushido). Người ngoại quốc ai nấy đều lấy làm lạ, chẳng thế ông H. B Chamberlain trong cuốn « *The invention of a new Religion* » không nhận rằng võ-sỹ đạo của nhật là một sự có thật mà chỉ là một chế độ bày đặt ra để lòe người ngoại quốc. Ngày nay người ta không còn ngờ vực như thế nữa, và người ta tin hẳn rằng cái gan cầm dao đâm vào bụng mình để tự sát là một việc hiển nhiên như ánh sáng.

Người ta cho rằng võ sỹ đạo sinh ra ở Nhật phần vì đạo Không và đạo Phật, phần vì tập-quán, chế-độ xã hội và những thần-thoại lưu truyền trong nước.

Ở nước ta, lúy sử-ký không thấy chép những hành-tung của bọn hiệp-khách phiêu-lưu, nhưng không phải vậy chúng ta không có những người hiệp-khách cứu nhược phò nguy, và trọng nghĩa khinh tài.. Khác là ở chỗ chúng ta không hề sản xuất ra một lớp người tự mệnh danh là hiệp-sỹ và có một kỷ-luật vững vàng. Thỉnh thoảng, qua những lớp thời gian, nhất là ở lúc biến thiên, chúng ta nhận thấy một vài dấu vết của người anh tài mà khí-tiết. Chẳng hạn như các ông Chu-văn-An, Nguyễn-bỉnh-Khiêm hay Trần-quốc-Tuấn...

Có phải đấy là khí thiêng của đất nước hay là một chút ảnh-hưởng của nho giáo như ở trong mấy câu này :

Thấy điều nghĩa mà không làm là không dũng, người quân tử có dũng mà không nghĩa thì làm loạn.

LÊ KIM-KIÊN

SÂM NHUNG
BÁCH BỔ
Hồng - Khê
Đại bổ khí-huyết
Bổ tiên-hóa. Lợi sinh-dục
Mỗi hộp 3p.00
75, HÀNG BỒ—HANOI

Bổ thận tiêu độc
Thuốc lọc máu tiêu nhiệt độc ngừa lở giá một lọ 1p50. Nếu là 2p.00. Một lá 1ệp00.
BÁN TẠI
Nhà thuốc TẾ-DÂN
131, Hàng Bông Hanoi

Hai truyện tự sát rùng rợn...

(Tiếp theo trang 15)

can thiệp được cũng chiều lệ họ lệnh trong nã hung thủ cho tắc trách, vì vậy dư luận trong nước cứ xôn xao.

Giữa lúc dư luận đang ngóng chờ xem chính-phủ giải quyết việc thủ-tướng Văn-Tỉnh bị giết ra thế nào, thì ngay hôm rằm tháng ba, cả nước đang nao nức ở một khoảng đất rộng ngoài chùa thanh Đông-kinh là nơi có nhiều Hoa-anh và có nhiều người đến xem đông hơn các nơi khác, bỗng thấy có mấy người đem treo một tấm địa-đồ Trung-quốc, rồi có một người đến đứng dưới bức địa-đồ ấy, lớn chỉ mồm nói về lẽ nên giải quyết ngay việc Trung-quốc, rồi quỳ xuống một cái đệm cỏ đã giải sẵn ở dưới, một tay cầm con dao sáng loáng, một tay phanh bụng, cất đầu chào mọi người mà nói :

« Thưa các ngài, tôi là Thổ-phi-nguyên Nghĩa-tam đây. Giết chết thủ-tướng Văn-Tỉnh tức là tôi đây. Với Văn-Tỉnh không có thù gì, tôi giết hắn chỉ vì hắn đã làm ngăn trở chủ nghĩa Đại-Á. Cho được tỏ sự hành động của tôi vì công không phải vì tư, xin phơi giải lấm lòng để các ngài xem ».

Nói xong, liền thích dao vào bụng, rạch ngang một cái, rạch dọc một cái, tức thì gan ruột xổ ra, rồi ngã ra mà chết.

SỞ-BÁO

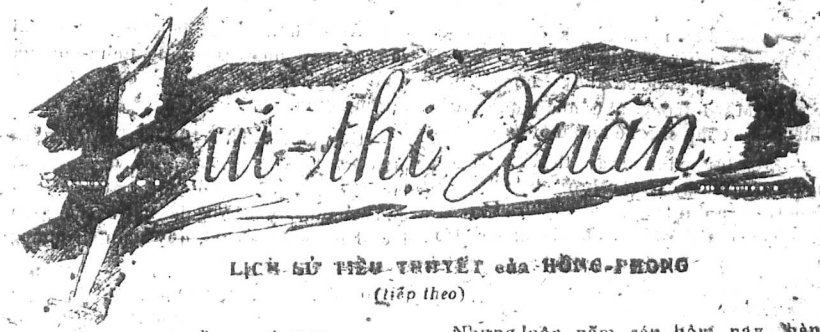

LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT của HỒNG-PHONG

(tiếp theo)

PHẦN THỨ HAI

I. — Bà-lớn Đại-đô đốc

Phủ Đại-đô đốc xứ Nghệ-an mới xây dựng xong ít lâu, quy-mô rộng lớn : công-đường, tư-thất, tớ-tào, binh-trại, ngang-giọc đến hai chục tòa nhà liền nhau, trông rất uy nghi hùng tráng. Cửa chính đối diện thành nội Phụng-hoàng cũng mới kiến trúc toàn bằng đá ong ; cổng sau tiếp giáp phố-phường dân cư, suốt ngày tưng đảo, vui vẻ.

Không ai đi ngang qua phủ mà không cố ý chậm bước lại, để nhìn những mái nhà kiểu mới, hoặc xem quân gia, các thầy tớ-thuộc, cũng là nội-nhân trong phủ đi ra đi vào tấp nập. Phủ này có đủ về làm đại-biểu cho tất cả triều-đại mới lên, uy-quyền mới đặt, nhân-vật mới nổi, chẳng trách thiên-hạ lò-mò đòm ngó.

Bởi vậy, nhất cử nhất động trong phủ, thường kho lọt qua tai mắt phường phố và người qua đường.

Sau phủ, cách xa cổng cái độ mươi thước, có một cửa nách nhỏ, khuất một góc tường và cây đa to che lấp ; lại đóng kín mít đêm ngày, không mấy khi thấy mở đến, hầu như một cửa vô dụng vậy.

Nhưng luôn năm sáu hôm nay, hàng phố nhận thấy có sự lạ ở ngay cửa ấy.

Hôm nào cũng thế, vào lúc chiều hôm chạng-vạng, một người trông còn trai trẻ, chỉ độ ba mươi tuổi trở lại, đầu đội nón lá rách, quần áo lam-lũ, vai khoác một cái bị, hình dáng nửa như ăn mày nhà nghề, nửa như hàn sĩ lỡ bước, từ đâu đến không biết, ngồi co-ro dưới gốc cây đa, hai mắt chăm chú nhìn về phía cửa nách. Người này là người lạ, vì quanh đây có bao nhiêu ăn mày nhà nghề, thiếu hạ đã nhẵn mặt cả.

Giây lát, cửa kẹt mở, một người ra, tay cầm nắm cơm trao cho người lạ kia rồi quay gót trở vào, đóng cửa lại ngay, không nói không rằng gì hết. Người lạ cũng thế, nhận lấy nắm cơm rồi từ từ đi, chẳng cúi đầu chào hay nói một tiếng cảm ơn.

Hai người như đã ước hẹn nhau, mỗi ngày cứ khoảng giờ khắc ấy, thì người nọ đến chờ dưới gốc đa, người kia đem nắm cơm ra cho, rồi ai đi đàng nấy, không nghe trao đổi một tiếng nói bao giờ. Hay là họ trao đổi bằng giấy tờ bí mật với nhau thì không biết.

Hôm nào cũng như hôm nào, khiến những người phường-phố hết gặp thông

luôn năm sáu lần, không khỏi cho là sự lạ, cùng nhau bàn tán dị-nghị.

— Này, các anh có thấy không? Độ này cô Mười trong phủ nhân đức quá, chiều nào cũng cho kẻ khó một nắm cơm.

— Có, tôi cũng thấy thế... Nhưng người đàn bà ấy là cô Mười đấy à?

— Chứ còn ai!

— Tuyệt sắc nhỉ! Anh chàng ăn mày nào đó mỗi chiều được nhìn cái sắc đẹp ấy cũng đủ no, chả cần ăn cơm.

— Lại còn phải nói! Ai có mắt mà không biết cô Mười là đẹp thì là kẻ mù; hoặc ngu dại không biết sự đẹp là gì.

— Cô là người thế nào ở trong phủ, các anh nhỉ?

Người nói là ái-thiếp, người bảo là con nuôi quan Đô-đốc, chả biết thế nào... Chỉ biết rằng cô ở Bắc-hà mới vô chừng vài năm nay.

— Nhưng có một chỗ là đáo để, chả hiểu bà sơn có nhận thấy không?

— Chỗ lạ gì?

— Thử nghĩ xem!

— Xin chịu.

— Thế mà các bậc hay khoe tinh mắt!... Này nhé, chiều nào cũng là kẻ khó ấy đến xin mà cũng là cô Mười đem cơm ra cho, như thế không phải là một việc lạ ư?

— Phải đấy, kể cũng lạ lùng. Làm sao cả ngày không thấy cô ta làm phúc thí cơm cho kẻ khó nào, chỉ đến chạng vạng mới thò mặt ra thí cơm cho một kẻ khó ấy thôi?

— Có lẽ nó là bà con họ hàng gì của cô ta, thất cơ lơ vận, nên cô thương hại bố-thí chăng?

— Hay là nhân-tình của ả không chừng? một người trong bọn vừa cười vừa nói.

— Bậy nào! người khác cãi lại. Khi nào một người mặt hoa da ngọc như thế, lại tư-tình với một kẻ ăn mày?... Tôi không thể tin ở đời có chuyện ấy được.

— Anh không tin mặc anh, chứ ở đời vẫn có con nhà giàu sang dòng-dõi mà phải lòng một kẻ hàn-nho cùng-sĩ là sự thường thấy.

— Ừ, nói có lẽ!... Hai ba lần tôi nhìn giáp mặt kẻ khó ấy, trông có vẻ sáng-sủa, lanh-lợi, nhất là cặp mắt trung-hậu mà đẹp nhanh; ý chừng là người cùng-đồ lạc phách thế nào đó, quyết nhiên không phải ăn mày nhà nghề.

Mỗi người nói một cấu, đưa ra một giả-thuyết, chứng tỏ lòng dân hiếu-kỳ, muốn đóm hành xem xét mỗi việc lạ xảy ra trong những nhà quý-tộc quyền-môn để làm trò cười với nhau, hoặc là phê-bình, chỉ trích.

Cách dăm hôm sau, họ lại có dịp tụ-họp bên bờ nước trè xanh và chiếc điếu cày, rồi trở lại bàn tán chuyện cũ:

— Thế nào? Trong bọn ta có chú mò đi qua cổng phủ lúc nãy, vẫn thấy lẩn-thẩn cô nàng và kẻ khó còn diễn đấy chứ? một người gợi chuyện và hỏi.

— Vẫn trò rồi!... Vẫn trò rồi, anh em ạ! người kia đáp và cười hạ-hả.

— Sao thế?

— Không có kép chứ sao!

— Ồ! Chú này khéo nói giả ngộ hoài; chuyện thật thấy thế nào, kể rõ cho anh em nghe với?...

— Thì tôi nói không có kép, đào còn hát với ai!

— Đó, vẫn là chuyện bịt mắt bắt chim mãi!... Nghĩa là chiều nay anh đi qua, không thấy người lạ kia chờ cô Mười cho cơm nữa, có phải thế không?

— Có!... Có!... Tấn tuồng vẫn diễn hồi đầu như mọi khi, cũng đào ấy, kép ấy, nhưng qua đến hồi thứ hai thì khác...

— Khác thế nào?... Nói chuyện nhát gừng, làm người ta sốt cả ruột.

— Hồi thứ hai là hồi người lạ nhận xong nắm cơm rồi đi... Mọi lần anh chàng đi thẳng một mạch, bình yên vô sự... Nhưng mà lần này, chàng từ giã gốc đa lên đường, lại thải đi chừng mười lăm bước, thì hai chú lính nấp ở góc tường hồi nào không rõ, nhảy sổ tới cùng thộp ngực chàng mà điệu vào trong phủ...

— Trời ơi! Tội nghiệp người ta đói thì đi xin, có tội gì mà bắt?

— Nào ai biết tỏ con chuồn-chuồn? Tôi nghe dọng lưỡi của hai chú lính mà đoán, thì anh chàng nọ không cốt vì đói mà xin, không phải ăn mày gì đâu, chỉ là tay sai của các ông Cố-Lê chư thần, đội lốt kẻ khó đến dò thám binh-lính trong phủ Đại-đô-đốc...

— Ừ, có lẽ thế thật!.. Trông mặt anh chàng rõ ràng khôi ngô, tỉnh táo, chẳng ra vẻ đói khát đi xin tí nào!

— Khoan, để tôi nói hết rồi tự các anh suy xét thế nào tùy ý... Tôi nghe bọn lính nói cử chỉ anh chàng khả nghi, cho nên bà lớn truyền lệnh cho họ bắt đưa vào phủ xét hỏi...

Câu chuyện mấy người hàng phố nói với nhau trên đầu ghế một quán nước.

TRONG THỜI KỲ CẢI-TẠO QUỐC GIA
— Vua cối-mìn NOBEL!
— BOUCICAUT, nhà cách-mệnh nền thương-mại thế-giới,
Sách giá 4$, in đẹp, giá rẻ: 2$20
Nhà xuất bản CIPIC
72, Đường Wiélé Hà-Nội
Sắp có bán:
LÊN ĐƯỜNG của Triều Quang
giá: 2$ 80

Hai người khách lạ cỡi ngựa ghé vào quán ngồi nghỉ, từ nãy, vẫn lóng tai nghe chuyện, bây giờ một trong hai người cất tiếng, góp vào cuộc bàn phiếm, hướng mặt về phía người hàng phố vừa mới nói xong:

— Chắc ông định nói quan lớn truyền lệnh bắt giải vào phủ xét hỏ, nhưng ông nhịu lưỡi nói ra bà-lớn, phải không?

— Không, tôi nói bà-lớn rõ ràng, chứ không phải nhịu lưỡi mà lầm đâu! người hàng phố trả lời, tỏ ra mình nói chắc chắn và thạo chuyện thời thế.

— Sao lại bà lớn xét hỏi, thế thì quan lớn đâu? người khách hỏi lại.

— Quan-lớn đi vô kinh triều-kiến chưa về; nhất thiết công việc quân-cơ chính sự ở trấn ta đây, bà-lớn thay mặt xử-phân được cả.

— Vậy ư?... Thời thế đổi mới có khác, đúng như câu tục-ngữ «gái ngoan làm quan cho chồng», các ông nhỉ? người khách nói và đưa mắt nhìn bạn mình, hai người khẽ gật đầu, tỏ dấu hiệu riêng với nhau.

— Phải, cứ nói cho ngay, bà lớn này có tính cách dễ dãi, thân dân, lại giỏi cả võ-nghệ, thường cỡi ngựa chạy đi quanh thành như bay, không phải hạng bà lớn khệnh khạng, hách dịch như thời cũ... Nghe đâu cũng là một chiến tướng có nhiều công trận với bắn-triều.

Người ngồi bên cạnh, cùng bạn hàng phố với nhau, nói phụ thêm:

— Người anh em ta nói đúng sự thật đấy!... Hạng dân ba ấy đáo để, chớ ai trêu ghẹo vào mà khổ. Những ngữ có bắp mít rắn rỏi như bà con mình đây, chưa chắc kham nổi một quả đấm. Chẳng thế

mà một mình thay chồng nhủ-trị cả một trấn ; các ông phẩu đối không dám nhúc-nhách.

Hai người khách không nói gì, chỉ đưa mắt nhìn nhau, trả tiền nước rồi lên ngựa đi.

Bọn ngồi lại trông theo, giây lát một người nói :

— Theo ý tôi, hai thằng cha vừa mới cởi ngựa đi, có lẽ đang bắt hơn là chu an mày nọ... Các anh có để ý bâu áo của họ có mang « tín bài » gì đâu ?

o

Trong lúc ấy, hai người lính dẫn chú ăn mày đến trước mặt bà lớn-Đô-đốc.

Thoạt tiên, bà nhìn với nét mặt giận dữ, nghiêm khắc. Nội người trong phủ đều tin thế nào chú nọ cũng bị tra tấn cực hình y như những kẻ tình-nghi do-thám bị bắt mấy lâu. Đến khi bảo lính khám xét trong bị và khắp người chú, ngoài bộ quần áo rách, không có vật gì khác hơn là một miếng giấy nhỏ viết bốn câu thơ ; bà xem đi xem lại kỹ lưỡng, nhìn mãi nét chữ rồi thấy nhan-sắc trở lại hòa nhã, hỏi chú ăn mày với dọng điệm tỉnh :

— Tên gì ?
— Bẩm, tên là Như-Hùng.
— Năm nay bao nhiêu tuổi ?
— Bẩm, đúng ba mươi.
— Quê ở Bắc-hà ?
— Vâng, ở Sơn-nam hạ-trấn.

Bà truyền cho lính đưa chú xuống ở tạm trại giam, dặn đò đối đãi tử tế, rồi dạy lại gọi một thị-nữ và nói :

— Cô Mười đâu ? Đi tìm lại đây !

o

Đến chỗ này, độc-giả tất đã nóng một muốn biết bà lớn Đê-đốc là ai mà được người sở-tại xem ra kính-phục, và trước mặt kẻ tình-nghi do thám, lại có thái-độ đột ngột khó hiểu như thế ?

Chúng ta đã nhảy qua bốn năm mấy tháng trên đường lịch sử tiến-phát của Tây-sơn mà đến câu chuyện lạ nay. Trong thời-gian bốn năm mấy tháng ấy, nghĩa là từ tháng 5 năm Bính-ngọ (1786) đến đầu năm Canh-tuất (1790) cuộc diện nước ta đã thay đổi nhiều : hai chiếc ngai thế-truyền hàng mấy trăm năm bỗng bị lật đổ, một người áo vải tứ hai tự khoác long-cổn vào mình nhờ có những võ-công oanh-liệt chưa kể mấy vạn chú khách đem thân sang nhờ đất Việt-nam chôn vùi.

(còn tiếp)

HỒNG-PHONG

Dầu Nhị-Thiên

Trị bách bệnh. Mỗi ve 1$20

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG DƯỢC-PHÒNG

70, Phố hàng Buồm, Hanoi — Téléphone 849

BÚT CHÌ MARQUE « 2 cái đầu »

DOUBLE — HACHE

Đen, mềm hơn hết — Có bán ở khắp các hiệu sách lớn

HÒA-HỢP — 108bis HÀNG TRỐNG — HANOI, GIÂY NÓI : 448

Cô Đỗ-thị-Tâm...

(Tiếp theo trang 4)

vào con đường cách mệnh. Cậu Bàng đã từ Hanoi xuống Cảng vào thăm một người cô ruột, là người thân tín cuối cùng còn ở trên đó của cậu, rồi cậu theo tiếng gọi của bổn phận, của tổ-quốc trốn sang Tàu. Từ đó cậu lưu lạc đi đâu và hiện nay ở đâu cũng không ai rõ. Nghe đâu khi ra đi, cậu cùng đi với mấy người bạn nữa, cùng một lứa tuổi. Năm đó cậu Bàng mới độ mười sáu, mười bảy tuổi là cùng.

Còn anh cô Tâm là Xương thì sau khi được tha ra, sống một cái đời vất vưởng, túng thiếu đến cực điểm. Ông ngơ ngẩn như người mất trí khôn. Có lẽ đã bị bọn mật thám tra tấn quá đã man trong khi bị bắt chăng ? Năm nay, ông Xương đã bốn mươi bảy, bốn mươi tám tuổi mà vẫn còn phải làm nghề đào đất, độ đất cũng ở nhờ một người cô ở làng Mọc Hạ-đình. Ông Xương có vợ và một con gái nhỏ bảy, tám tuổi. Chị cô Tâm là bà Thành hiện nay cũng ở trong cảnh nghèo khó.

Một gia-đình từ cha đến con đều hi-sinh cho cách mệnh, đều chết về việc nước, thế mà ngày nay đìu hiu tan nát và sa sút đến thế, thực đáng cho ta mỗi khi nghĩ đến phải cảm động rơi lệ. Người đã làm cách mệnh, đã hi-sinh vì việc nước chỉ biết có tổ quốc là trọng, lý tưởng của mình phụng-sự là quí, không còn nghĩ gì đến gia-đình và hạnh-phúc riêng của mình nữa. Gia-đình của các nhà cách mệnh bao giờ cũng nghèo, như gia-đình của Nguyễn-thái-Học và của Đỗ-thị-Tâm chẳng hạn.

Hiện nay nước Việt-Nam đã được giải-phóng, các chính đảng như Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng đã được hoạt động ngoài ánh sáng lại có trụ sở bẩn hoi và quĩ riêng để chi tiêu. Ở nước ta lại còn có một vài cơ-quan khác cũng chú ý đến các chính-trị-phạm. Vậy nói với gia-đình các nhà cách-mệnh đã hi sinh vì việc nước, ta có yên tâm khi trông thấy vợ, con, anh em những người suốt đời tận tụy vì nước, nay gặp cảnh thiếu thốn, nghèo khó chăng ?

MAI-THỦY

Bao giờ việc tiếp-tế gạo...

(tiếp theo trang 7)

Có dư luận nói rằng : chế-độ hiện thời có một cái hay là bỏ luật-lệ cũ của Pháp, có cái bất tiện là làm khó cho người mua ăn, còn ngoài ra cũng không có hại gì. Sự thực thì cái hay và cái giờ cũng chưa rõ được, cứ xem như hiện trạng Hanoi thì rõ. Tuy rằng hàng ngày không đủ 3.000 hàng sáo mà dân vẫn chưa đói, ấy cũng là nhờ dân còn ít gạo cũ, mới thấy dân nghèo đong gạo sỏi ta thán là khó đong. Thành phố còn đủ thì giờ để lo việc tiếp-tế cho dân. Chế độ hiện-hành cũng dần-dần sửa đổi cho đến khi hoàn-hảo, ở ra rằng chính-phủ vẫn luôn luôn lo đến vận-mệnh của dân.

Ta không nên tỏ vẻ bi-quan trong lúc dân đang được rồi rào, sau một cơn đói rét cổ-lai chưa từng thấy. Không những thế, ta còn có nhiều lẽ để lạc-quan nữa. Mùa tháng năm được bội, ngô, khoai, đỗ đều tốt, thực là triệu chứng vận nước đang hưng. Nếu ta được vụ ba-giang sắp đến, qua nạn hồng thủy và được vụ tháng mười nữa thì, có tổ-chức hay không, cũng không ai phải lo đến vấn-đề gạo nữa. Nếu không được thế ta sẽ lo sau.

Bác sỹ NG. VĂN-LUYỆN

XIN CHÚ-Ý

Hiện giờ vì sự vận-tải khó khăn, nhiều thứ thuốc của hiệu Đại-Quang, bán hết đã lâu ngày, vì thế nhiều kẻ mình làm giả-mạo, nhất là ở Cam-Tích-Tán và Thổ-Nhiệt-Tán, chúng thường hay mang bán các chợ thôn-quê và bến tàu, xe, mong các quí khách chớ nên tin lời chúng tân-hình, kẻo tiền mất tật mang công vào thêm hại.

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

25 Hàng Ngang Hanoi, giây nói 805

Nước Pháp chết đỏ còn...

(Tiếp theo trang 10)

khóa ấy, trường Cao-đẳng mỹ-thuật kỹ-nghệ Hà nội có 111 sinh-viên mà số giáo-sư và phụ-giáo tổng cộng có 19 vị. Tính ra mỗi vị giáo-sư có hơn 5 người học-trò.

Năm 1938, Đông-dương kinh-tế cục ở Paris để thu vào cả năm có 15.426fr.30, đã khoét của ngân-sách Đông-dương một năm hết 1.215.655f mà trong số đó, riêng khoản chi tiêu về lương công-chức đã hết 545.474fr.60.

Để xử dụng một số tiền công là 66.825 000$ (ngân-sách Đông-dương năm 1937) người Pháp đã phải trả lương công-chức hết 17.830.000$ trong số đó thì 11.739.000$ trả cho công-chức Pháp.

Để xử dụng số tiền công 93.441.000$ (ngân-sách Đông-dương năm 1938) đã phải trả hết 19.623 000$ tiền lương công-chức.

Tính ra số chi-nhi về lương công-chức hết non non một phần tư số tiền dự trong ngân sách. Người ta có cái cảm-tưởng rằng ngân-sách lập ra cốt để nuôi sống công-chức, nhà-lại, chứ không phải là trả lương nha-lại công-chức để xử dụng ngân-sách vào những công việc ích quốc lợi dân.

Dưới nền lại-trị thối nát đó, người ta đã hiểu rằng vì sao trong hơn năm mươi năm đô-hộ xứ này, người Pháp đã thay đổi tới 50 vị Toàn quyền, vì sao cụ-u Thượng-thư Nội-vụ Malvy ngày 6 Août 1918 đã bị kết án 5 năm biệt xứ vì giao-thông với Đức, vì sao Joseph Caillaux nguyên Thượng-thư, nguyên Thủ-tướng đã bị tòa Đại-thẩm kết án ngày 23 Avril 1920, ba năm tù, 5 năm biệt xứ, và 10 năm tước mất công-quyền về tội tư thông với Đức, vì sao Léon Blum đã lấy tiền bạc của ngoại-quốc cố ý làm đình trệ sức sản-xuất của Pháp, và sau hết người ta hiểu rằng vì sao Pháp-quốc đã bại trận dễ dàng như thế, dã nghèo túng, hèn yếu mau chóng như hiện giờ.

LÊ-VĂN-HÒE

Kỳ sau:

XÃ-HỘI NƯỚC PHÁP

Sách mới

T. B. C. N. vừa nhận được:

— Trưng nữ vương (ca kịch) của SỸ-TIÊN, do nhà HƯƠNG SƠN xuất bản, giá 3$.

Xin có lời cám ơn nhà xuất bản và giới-thiệu với bạn đọc.

+ AI MUỐN BIẾT +

Các thứ thuốc và các cách điều-trị đã cứu chữa bệnh nam, phụ, lão, ấu theo hai khoa y học và bào chế Đông Tây, hãy hỏi mua những sách thuốc do ông bà Lê-văn-Phấn, y-sĩ và bào chế sư, tốt nghiệp trường Cao-đẳng y-học, chuyên khảo về thuốc Nam Bắc, đã soạn và dịch ra Quốc-ngữ. Sách nói về chữa bệnh thời, dạ dày thận, tim, bệnh hoa liễu v. v... sách về sản dục nhi khoa đều giá 1$ một bộ. Thư từ mua sách hoặc hỏi về thuốc men chữa bệnh xin đề:

Monsieur et Madame LÊ-VĂN-PHẤN
Médecin civil et pharmacienne
N°18, rue Ba-vi Sontây—Tonkin

Hội Việt-Nam mỹ-thuật kỹ-nghệ họp đại-hội đồng

Xin loan báo cho tất cả các hội-viên biết rằng đến chiều chủ-nhật 22 — 7 — 1945, hồi 18 giờ, tại hội Trí-Tri, phố hàng Quạt Hà-nội, sẽ họp « đại-hội-đồng hội Việt-Nam mỹ-thuật kỹ-nghệ ».

H. V. N. M. T. K. N. lai-cảo.

QUÝ NGÀI CHỈ NÊN DÙNG XÌ-GÀ VÀ TABAC

LION và MICANOH

(Em giọng và hút rất thơm)

Bán buôn tại HÃNG BÁO phố Huế HANOI — Tam-Chương, 80 Hàng Đường

MẤY LỜI ĐÍNH-CHÍNH

Trong bài nói về « cờ hiệu hàng-hải quốc-tế (T. B. C. N. số 252) có một vài chỗ sai nhầm:

Năm lá cờ tam giác chỉ năm chữ C, D, E, F, và G. đều chuyền xuống làm cờ chỉ chữ số (signal numérique) từ 1 đến 5 và thay bằng 5 lá cờ khác:

Cờ chữ C, hình chữ nhật, hai vạch xanh theo chiều ngang giữa có 1 vạch đỏ và hai vạch trắng.

Cờ chữ D, hình chữ nhật, một vạch ngang màu xanh, viền hai vạch màu vàng.

Cờ chữ E, hai phần xanh trên, đỏ dưới đặt theo chiều ngang.

Cờ chữ F hình chữ nhật, có một miếng « quả trám » màu đỏ trên nền trắng.

Cờ chữ G hình chữ nhật có 3 vạch vàng, 3 vạch xanh theo chiều dọc.

Tôi xin trân trọng cảm tạ ông Cách-Chi đã cho biết chỗ sai nhầm và thành thực xin lỗi độc giả T. B. C. N.

NGUYỄN HUYỀN-TĨNH

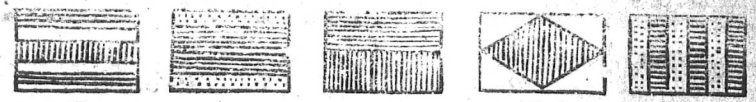

TIN DÙNG

Các thứ khóa BẢO-AN

TUCCO-B.V. « S »

Hàng 100.000 cách mở khác nhau

Tức là GIỮ CỦA một cách AN-TOÀN CHU-ĐÁO

Bán tại nhà chế-tạo hàng bằng các loại kim khí

ĐẠI-VIỆT, 19 Cửa Nhà Thờ Lớn Hà-nội — Giây nói: 1242

Phòng trà lịch-sự, thanh-khiết, vui vẻ

Có nhận đặt tiệc trà tại tư-gia

VĂN-HƯƠNG

Trong hàng ĐỨC-NGHI

22 Hàng-Đào, Hanoi — Giây nói: 690

TUYỆT-PHẨM

Bánh Ca-la-men Săn-duých, Ba-tê, Bánh-Beo, Chả dò Saigon, Bánh tôm, Kem Socola, Vani và đủ thứ giải khát

Có hai đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

Muốn trừ tuyệt-căn những bệnh tình có thể nguy hại đến sức khỏe và nòi giống chỉ nên tìm đến

Đức Thọ Đường

131, Route de Huế — HANOI

mà chữa khoán hoặc uống thuốc.
Sự thuyên-giảm sẽ nghiệm thấy
trong 3 tiếng đồng-hồ

GIÁ MUA BÁO

Một năm, kể cả số báo đặc biệt.	70 $ 00
Sáu tháng.	36 $ 00
Ba tháng	18 $ 00
Mỗi số. . . . 1 $ 50	
Các công sở và các hội, một năm	140 $ 00
sáu tháng	70 $ 00

RĂNG TRẮNG KHỎI SÂU THƠM MIỆNG
vì dùng:
thuốc đánh răng
GLYCERINA

CÁC NGÀI NÊN DÙNG!
Dầu Hồi - Sinh
Trị chứng cảm sốt, nhức đầu, đau mình, vừa sơ vừa nặng tiêu trừ bách bệnh. Công hiệu như thần
NHÀ THUỐC THÁI-CÒ
52, HÀNG BẠC — HANOI

PHÒNG XEM BỆNH

BÁC-SỸ PHÁT

21 phố hàng Bừa
(Lý-thường-Kiệt),
sau phố Sinh-từ,
cạnh viện Tế-sinh.

Buổi sáng: từ 7 30 giờ đến 10 giờ 30
Buổi chiều: từ 4 giờ đến 7 giờ

ĐÃ CÓ BÁN:

Lý-Thái-Bạch

của TRÚC-KHÊ Giá: 5 $ 00

Lý-Thái-Bạch là một vị thanh thơ của cõi Á-Đông. Lời văn chuốt đẹp như sao băng. Ý thơ thanh-cao, siêu thoát, phong-khoáng, đưa hồn ta phiêu-diêu ở cõi đời lý-tưởng. Có in hơn ba nghìn chữ nho dịch âm, dịch ra thơ quốc văn, và chú-thích rất kỹ. Thật là một cái lâu đài đồ-sộ về văn-chương, của cõi Á-Đông mà cổ-nhân đã để lại cho chúng ta.

Tinh-thần Phật-giáo

của VŨ TRỌNG CAN Giá: 3 $ 00

Bằng một lối văn giản-dị, dễ hiểu, Vũ-Trọng-Can giảng cái tôn-giáo rất huyền-vi của đức Thích-Ca. Đó là một nền tôn-giáo, khiến người ta thoát tục, và nâng hồn ta lên cõi thanh-khiết, cao-siêu.

Nhà xuất-bản CỘNG-LỰC
Số 9, phố Hàng Cót Hà-nội, giây nói 962

Tuần-san báo TRUNG-BẮC TÂN-VĂN số...
In tại nhà in Trung-Bắc Tân-Văn
36 — Phố H. d'Orléans — Hanoi
Số báo in ra 80.000
Quản-lý NGUYỄN-DOÃN-VƯỢNG